

Số: 01 /2026/TTr-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH*V/v: sửa đổi, bổ sung một số văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông***Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Căn cứ:**

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Thông tư 116**");
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ("**TPBank**");
- Xét thực tiễn quản trị, điều hành tại TPBank.

Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") và Ban Kiểm soát ("**BKS**") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung một số văn bản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

I. Lý do, sự cần thiết

TPBank được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-NHNN ngày 05/05/2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp. Trong suốt quá trình hoạt động, Điều lệ và bộ Quy chế do ĐHĐCĐ TPBank thông qua luôn là những văn bản pháp lý quan trọng, điều chỉnh các vấn đề trọng yếu về tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng. Các văn bản này thường xuyên được rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết) nhằm đáp ứng các thay đổi của hệ thống văn bản pháp luật cũng như tình hình thực tiễn tại TPBank.

Trong năm 2025, nhiều văn bản pháp luật quan trọng liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng đã được ban hành như: Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về Chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân

hàng nước ngoài... Điều này làm phát sinh yêu cầu rà soát, cập nhật và hoàn thiện các văn bản của TPBank để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy định pháp luật và quy định nội bộ của TPBank, tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức, hoạt động và yêu cầu quản trị, điều hành tại TPBank.

(Chi tiết nội dung đánh giá/sửa đổi, bổ sung chính của từng văn bản tại Phụ lục đính kèm)

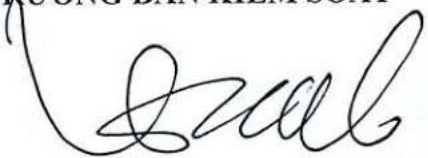
II. Nội dung đề xuất

Trên cơ sở các quy định pháp luật có liên quan, phân tích, đánh giá nêu trên, HĐQT và BKS kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định:

1. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung **Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng** tại các dự thảo văn bản đính kèm Tờ trình này.
2. Thông qua hiệu lực của việc sửa đổi, bổ sung các văn bản tại Mục II.1 nêu trên:
 - Đối với **Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS**: kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.
 - Đối với **Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng**: kể từ ngày 01/07/2026.
3. Thông qua việc bãi bỏ **Quy chế Tài chính** (số 15/2024/QC-TPB.HĐQT) - được ban hành theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 - hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT chịu trách nhiệm ban hành Quy chế Tài chính của TPBank theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng.
4. Thông qua việc tổ chức thực hiện:
 - Giao/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật của TPBank: Thực hiện các thủ tục liên quan đến ban hành **Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng** đã được thông qua nêu trên theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.
 - Giao/ủy quyền cho Trưởng Ban Kiểm soát: Thực hiện các thủ tục liên quan đến ban hành **Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS** đã được thông qua nêu trên theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.
 - Các Đơn vị liên quan chịu trách nhiệm hoàn thiện báo cáo, thông báo, công bố thông tin sau khi ban hành các văn bản theo quy định pháp luật. 

Trân trọng kính trình!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**


Nguyễn Thị Thu Hương

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đỗ Minh Phú

Phụ lục:

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY CHẾ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TPBANK

(Đính kèm Tờ trình ngày 02 / 04 /2026 của HĐQT và BKS TPBank)

1. Điều lệ TPBank

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
1	Điều 1. Giải thích từ ngữ 7. “Người điều hành” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh.	Điều 1. Giải thích từ ngữ 7. “Người điều hành” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh <u>và các chức danh khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ.</u>	Theo quy định tại Khoản 25 Điều 4 Luật Các TCTD: “Người điều hành TCTD bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh <u>và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của TCTD</u> ” → Bổ sung quy định tại Điều lệ về việc “Người điều hành” của TPBank bao gồm cả các chức danh theo quyết định của HĐQT để linh hoạt trong hoạt động thực tế và đáp ứng quy định pháp luật có liên quan.
2	Điều 3. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Mạng lưới hoạt động của ngân hàng bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, <u>ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài</u> theo quy định của pháp luật	Điều 3. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, <u>ngân hàng con ở nước ngoài</u> theo quy định của pháp luật	Sửa đổi quy định về “mạng lưới hoạt động” của Ngân hàng để phù hợp với Khoản 1 Điều 3 Thông tư 61/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.
3	Điều 4. Mục tiêu hoạt động Ngân hàng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan <u>vì mục tiêu lợi nhuận</u> theo quy định của Luật Các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật.	Điều 4. Mục tiêu hoạt động Ngân hàng được thực hiện tất cả hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật Các Tổ chức Tín dụng và quy định của pháp luật, <u>nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông, tối ưu giá trị cho khách hàng, đối tác và góp phần phát triển kinh tế, xã hội, đất nước.</u>	Điều chỉnh để đảm bảo mục tiêu hoạt động của TPBank hài hòa giữa các mục tiêu lợi nhuận, đem lại giá trị cho Khách hàng, đối tác và phát triển kinh tế, xã hội.
4	Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT 12. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các Tổ chức Tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên	Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT 12. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động, <u>quy chế tài chính</u> của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các Tổ chức Tín dụng	Khoản 1 Điều 37 Nghị định 135/2025/NĐ-CP (thay thế Nghị định 93/2017/NĐ-CP) quy định: “ <u>Căn cứ quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xây dựng quy-chế tài chính của mình và trình</u>

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
	quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	<i>cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ, quy chế nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phê duyệt để làm căn cứ thực hiện".</i> → Bổ sung thẩm quyền của HĐQT tại Điều lệ về việc ban hành "Quy chế tài chính" của Ngân hàng.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
1	<i>Không quy định</i>	Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt 1. Giải thích từ ngữ: e) Người Điều Hành: Bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ. f) Người Quản Lý: Bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác của HĐQT, TGD.	Bổ sung theo định nghĩa tại Điều 1 Điều lệ Ngân hàng, nhằm thuận tiện trong sử dụng văn bản
2	Điều 5. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của HĐQT 6. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. HĐQT quyết định nhiệm vụ và quyền hạn của hai (02) Ủy ban này theo quy định của Thống đốc NHNN. 7. HĐQT thành lập Ủy ban Quản trị cấp cao (sau đây gọi là EXCO), trực thuộc HĐQT, bao gồm các thành viên HĐQT chuyên trách do HĐQT hoặc người được HĐQT ủy quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.	Điều 5. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của HĐQT 6. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. <u>Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Nhân sự do HĐQT quyết định theo quy định của NHNN và phải đảm bảo mỗi Ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết không phải là Người Điều Hành. HĐQT được thành lập các Ủy ban khác (nếu cần thiết).</u>	Sửa đổi, bổ sung căn cứ Khoản 5 Điều 50 Luật Các TCTD, điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư 83/2025/TT-NHNN
3	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT 12. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các TCTD, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều Lệ Ngân hàng, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT 12. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động, <u>quy chế tài chính</u> của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các TCTD, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều Lệ Ngân hàng, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	Cập nhật tương ứng theo Khoản 12 Điều 53 dự thảo Điều lệ trình ĐHĐCĐ 2026
4	<i>Không quy định</i>	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	Cập nhật theo Khoản 31 Điều 53 Điều lệ TPBank

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
		31. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền của Ngân hàng.	hiện hành (<i>ban hành ngày 01/12/2025</i>)
5	Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT 8. Thành viên HĐQT không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên HĐQT là TGD.	<i>Không quy định</i>	Lược bỏ, chuyển xuống Điều 22 Quy chế
6	<i>Không quy định</i>	Điều 17. Biên bản họp HĐQT 5. Ý kiến thảo luận, kết luận liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ trong cuộc họp của HĐQT phải được ghi lại bằng văn bản (nếu có).	Bổ sung căn cứ/tham khảo Khoản 3 Điều 4 Thông tư 83/2025/TT-NHNN
7	Điều 22. Mỗi quan hệ với Tổng Giám đốc, Ban Điều Hành 3. TGD, Ban Điều Hành có vai trò, trách nhiệm tham mưu, đề xuất các vấn đề để HĐQT xem xét, quyết định theo chức năng, nhiệm vụ (trường hợp các vấn đề cần có ý kiến tham mưu của Ủy ban/Hội đồng do HĐQT thành lập theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng, TGD/ Ban Điều Hành phải trình Ủy ban/Hội đồng tương ứng trước khi trình HĐQT); chịu trách nhiệm điều hành, thực thi các chỉ đạo, quyết định của HĐQT trong hoạt động nghiệp vụ, tác nghiệp của Ngân hàng. Các văn bản trình/báo cáo/đề xuất/kiến nghị HĐQT xem xét, quyết định, giải quyết công việc phải do TGD hoặc Thành viên Ban Điều Hành được TGD phân công/ủy quyền ký trình. Các văn bản do TGD/Ban Điều Hành trình HĐQT phải đảm bảo các thủ tục, quy định về hành chính, pháp lý và kèm theo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan (nếu có) theo đúng quy định nội bộ của Ngân hàng.	Điều 22. Mỗi quan hệ với Tổng Giám đốc, Ban Điều Hành 3. <u>Thành viên HĐQT không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của TGD. Trường hợp thành viên HĐQT đồng thời là TGD, Ngân hàng phải áp dụng biện pháp kiểm soát để bảo đảm không xảy ra xung đột lợi ích và vẫn duy trì sự giám sát độc lập.</u> 4. TGD, Ban Điều Hành có vai trò, trách nhiệm tham mưu, đề xuất các vấn đề để HĐQT xem xét, quyết định theo chức năng, nhiệm vụ (trường hợp các vấn đề cần có ý kiến tham mưu của Ủy ban do HĐQT thành lập theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng, TGD/ Ban Điều Hành phải trình Ủy ban tương ứng trước khi trình HĐQT); chịu trách nhiệm điều hành, thực thi các chỉ đạo, quyết định của HĐQT trong hoạt động nghiệp vụ, tác nghiệp của Ngân hàng. Các văn bản trình/báo cáo/đề xuất/kiến nghị HĐQT xem xét, quyết định, giải quyết công việc phải do TGD hoặc Thành viên Ban Điều Hành được TGD phân công/ủy quyền ký trình (<u>trừ trường hợp nội dung trình về các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền thông qua/quyết định của HĐQT theo quy định tại Điều 70 Luật Các TCTD, phải được TGD hoặc Phó TGD được TGD ủy quyền đề xuất, trình HĐQT</u>). Các văn bản do TGD/Ban Điều Hành trình HĐQT phải đảm bảo các thủ tục, quy định về hành chính, pháp lý và kèm theo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan (nếu có) theo đúng quy định nội bộ của Ngân hàng.	Bổ sung căn cứ/tham khảo điểm c.(i), c.(iii) Khoản 1 Điều 5 Thông tư 83/2025/TT-NHNN
8	Điều 23. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT	Điều 23. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ và cập nhật phù hợp với thực tế vận hành

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
	1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, người quản lý khác trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.	1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, <u>thành viên BDH</u> cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị, <u>công ty con</u> của Ngân hàng.	
9	Điều 26. Bộ phận giúp việc chuyên trách của HĐQT	<i>Không quy định</i>	Nội dung về Bộ phận giúp việc chuyên trách của HĐQT đã được quy định tại Khoản 5 Điều 5 Quy chế (căn cứ theo Khoản 4 Điều 50 Luật Các TCTD); nội dung cụ thể liên quan chức năng, nhiệm vụ của VP. HĐQT đã được HĐQT ban hành
10	Điều 27. Lưu trữ hồ sơ và tài liệu HĐQT 1. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của HĐQT được lưu trữ và bảo mật tại Văn phòng HĐQT thuộc Trụ sở chính của Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn các hồ sơ, tài liệu sau: a) Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp HĐQT. b) Hồ sơ lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản/thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến, Biên bản kiểm phiếu/Biên bản tổng hợp ý kiến, Nghị quyết, quyết định của HĐQT và các hồ sơ, tài liệu liên quan. 2. Thành viên HĐQT chỉ được phép tìm hiểu hồ sơ, tài liệu tại Văn phòng. Trong trường hợp có nhu cầu sao chụp hoặc mang những hồ sơ, tài liệu này ra khỏi Văn phòng thì phải có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. 3. Các tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin được Văn phòng HĐQT cung cấp theo yêu cầu riêng của Thành viên HĐQT phải là những tài liệu, thông tin liên quan đến công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên đó.	Điều 26. Lưu trữ hồ sơ và tài liệu HĐQT 1. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của HĐQT được lưu trữ và bảo mật <u>tại Trụ sở chính của Ngân hàng</u> , bao gồm nhưng không giới hạn các hồ sơ, tài liệu sau: a) Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp HĐQT. b) Hồ sơ lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản/thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến, Biên bản kiểm phiếu/Biên bản tổng hợp ý kiến, Nghị quyết/quyết định của HĐQT và các hồ sơ, tài liệu liên quan. 2. Thành viên HĐQT được tìm hiểu hồ sơ, tài liệu <u>tại Trụ sở chính của Ngân hàng</u> . Trong trường hợp có nhu cầu sao chụp hoặc mang những hồ sơ, tài liệu này ra khỏi <u>Trụ sở chính của Ngân hàng</u> thì phải có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. 3. <u>Việc cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu riêng của Thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của TPBank, trong đó đảm bảo hồ sơ, tài liệu được cung cấp có liên quan đến công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên HĐQT đó, hoặc để thực hiện các công việc theo phê duyệt, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.</u>	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1 Điều 80 Điều lệ TPBank và cập nhật phù hợp với thực tế vận hành

3. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho BKS và các cá nhân, đơn vị có liên quan trên toàn hệ thống Ngân hàng.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với: a) BKS, các cá nhân, đơn vị có liên quan trên toàn hệ thống TPBank. b) <u>Các cá nhân, đơn vị có liên quan đến hoạt động của BKS TPBank.</u>	Bổ sung để phù hợp với thực tế vận hành
2	Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của BKS <i>Không quy định</i>	Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của BKS 2. BKS thông qua, phê duyệt, giải quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình bằng: a) Thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp BKS định kỳ, đột xuất; Lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email). Mỗi thành viên BKS có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp không được tham gia biểu quyết theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ. b) Trưởng BKS và thành viên BKS xử lý các nhiệm vụ được phân công phát sinh giữa các kỳ họp của BKS.	Bổ sung để phù hợp với thực tế vận hành và đảm bảo các nội dung theo quy định pháp luật
3	Điều 5. Bộ máy giúp việc của BKS 1. BKS có Trung tâm KTNB, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình. 2. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm KTNB, bộ phận giúp việc thực hiện theo quy định do BKS ban hành.	Điều 5. Bộ máy giúp việc của BKS 1. BKS có Trung tâm KTNB, <u>Phòng Hỗ trợ và Giúp việc BKS</u> để thực hiện nhiệm vụ của mình. 2. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm KTNB, <u>Phòng Hỗ trợ và Giúp việc BKS</u> thực hiện theo quy định do BKS ban hành.	Sửa đổi phù hợp với thực tế vận hành
4	Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Trung tâm KTNB.	Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Trung tâm KTNB; <u>Phòng Hỗ trợ và Giúp việc BKS.</u>	Sửa đổi phù hợp với thực tế vận hành
5	Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 15. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ	Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát <i>Không quy định</i>	Điều chỉnh để thống nhất các quy định theo Điều lệ (điểm t Khoản 2 Điều 28, Khoản 2 Điều 53) và Luật Các TCTD (Khoản 1 Điều 59, điểm t Khoản

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
	thống KSNB trong việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và các hoạt động khác theo quy định pháp luật (nếu có).		3 Điều 67, Khoản 2 Điều 70)
6	Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Không quy định	Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 18. Ban hành kế hoạch KTNB hàng năm (bao gồm cả bản sửa đổi, bổ sung) theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm KTNB sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT, TGD. 19. Phê duyệt báo cáo nội bộ về KTNB (bao gồm báo cáo kết quả KTNB và báo cáo kết quả tự đánh giá KTNB) theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của BKS; phê duyệt báo cáo hàng năm về KTNB, báo cáo đột xuất về KTNB gửi NHNN theo quy định của NHNN.	Bổ sung theo quy định Điều 9, 69, 73 Thông tư 83/2025/TT-NHNN
7	Điều 12. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS 1. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.	Điều 12. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>đương nhiên mất tư cách, đình chỉ, tam đình chỉ</u> thành viên BKS 1. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>đương nhiên mất tư cách, đình chỉ, tam đình chỉ</u> thành viên BKS thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.	Bổ sung để phù hợp với thực tế vận hành và đảm bảo các nội dung theo quy định pháp luật
8	Điều 16. Cuộc họp của BKS 1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. 2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ. 3. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.	Điều 16. Cuộc họp của BKS 1. <u>Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ</u> a) <u>Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ BKS được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử BKS nhiệm kỳ đó để bầu Trưởng BKS và thông qua các vấn đề có liên quan khác.</u> b) <u>Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ toạ. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp BKS và chủ toạ.</u> 2. <u>Cuộc họp bầu Trưởng BKS do đương nhiên mất tư cách</u> a) <u>Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên còn lại của BKS phải có trách nhiệm tổ chức họp để bầu một thành viên làm Trưởng BKS.</u> b) <u>Cuộc họp này do thành viên BKS được bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập cuộc họp BKS.</u> 3. <u>Cuộc họp định kỳ</u> a) <u>BKS họp định kỳ mỗi quý một lần.</u> b) <u>Các cuộc họp định kỳ của BKS do Trưởng BKS hoặc người được Trưởng BKS ủy quyền triệu tập và là chủ toạ cuộc họp.</u>	Bổ sung để phù hợp với thực tế vận hành và đảm bảo các nội dung theo quy định pháp luật

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
		<p>4. Cuộc họp bất thường</p> <p>a) BKS họp bất thường nếu cần thiết để giải quyết các vấn đề được thảo luận, biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp phát sinh giữa các cuộc họp định kỳ.</p> <p>b) Cuộc họp bất thường của BKS được triệu tập bởi Trưởng BKS nếu xét thấy cần thiết hoặc trong thời hạn từ 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của: (i) Trưởng BKS hoặc thành viên BKS; (ii) Chủ tịch HĐQT; (iii) TGD; (iv) Theo yêu cầu của NHNN; (v) Các trường hợp khác theo quy định nội bộ hoặc pháp luật. Trưởng họp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp BKS bất thường, thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định hiện hành của pháp luật.</p> <p>5. Cuộc họp của BKS có thể tổ chức theo hình thức gặp mặt trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến giữa các thành viên BKS. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, trực tuyến bằng các phương tiện thông tin liên lạc hoặc kết hợp các phương thức này. Địa điểm cuộc họp là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>6. Cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên BKS trực tiếp dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên BKS không trực tiếp dự họp có thể ủy quyền tham dự họp và biểu quyết cho một thành viên BKS khác. Trường hợp cuộc họp của BKS được triệu tập nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng BKS phải triệu tập cuộc họp lần hai trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số thành viên tham dự theo quy định, thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định hiện hành của pháp luật.</p> <p>7. Trưởng BKS căn cứ mục đích cuộc họp phân công cho các thành viên BKS, Trung tâm KTNB/ Phòng Hỗ trợ và Giúp việc BKS chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp và gửi thông báo mời họp. Thông báo mời họp phải xác định thời gian, địa điểm, chương trình, các vấn đề thảo luận kèm theo các tài liệu sử dụng trong cuộc họp (nếu có) và gửi đến các thành viên BKS theo phương thức phù hợp (gửi trực tiếp, fax, thư điện tử và các phương tiện khác) tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày họp.</p> <p>8. Biên bản cuộc họp BKS</p> <p>a) Các cuộc họp BKS phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm hoặc dịch sang tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau: Mục đích, chương trình và nội dung cuộc họp; Thời gian, địa điểm họp; Họ và tên từng thành viên tham dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp, họ và tên thành viên không dự họp và lý do; Các vấn đề được thảo luận và/hoặc biểu quyết tại cuộc họp</p>	

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
		<p>(nếu có); Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp; Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến (nếu có biểu quyết); Các vấn đề được thông qua (nếu có); Mục lục và tên, chữ ký.</p> <p>b) Ý kiến thảo luận, kết luận liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ (nếu có) trong cuộc họp của BKS phải được ghi lại bằng văn bản.</p> <p>c) Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>d) Biên bản họp BKS phải được gửi cho các thành viên BKS trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận biên bản họp, thành viên BKS đã tham dự cuộc họp phải có ý kiến bằng văn bản gửi cho chủ tọa cuộc họp nếu có khiếu nại về nội dung của biên bản họp.</p> <p>e) Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.</p> <p>9. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp BKS và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>10. BKS có thể mời cán bộ quản lý của Trung tâm KTNB và Phòng Hỗ trợ và Giúp việc BKS tham dự cuộc họp BKS.</p>	
9	Không quy định	<p>Điều 17. Lấy ý kiến bằng văn bản, qua thư điện tử</p> <p>1. Trưởng BKS có quyền tổ chức lấy ý kiến của các thành viên BKS để thông qua các quyết định của BKS bằng văn bản hoặc qua thư điện tử, trừ trường hợp bầu Trưởng BKS.</p> <p>2. Trưởng BKS có trách nhiệm chỉ đạo việc gửi phiếu lấy ý kiến hoặc thư điện tử và các tài liệu cần thiết đến các thành viên BKS chậm nhất là 01 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến hoặc gửi ý kiến qua thư điện tử. Nội dung phiếu lấy ý kiến bao gồm: Các vấn đề cần lấy ý kiến thông qua; phương án biểu quyết gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; thời hạn gửi ý kiến.</p> <p>3. Các thành viên BKS có thể gửi ý kiến theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời có chữ ký của thành viên BKS. Phiếu lấy ý kiến gửi về BKS phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</p> <p>b) Qua thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về BKS qua thư điện tử cán bộ thuộc Phòng Hỗ trợ và Giúp việc BKS được Trưởng BKS chỉ định kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến</p>	Bổ sung để phù hợp với thực tế vận hành và đảm bảo các nội dung theo quy định pháp luật

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
		<p>hoặc thư điện tử gửi về sau thời hạn gửi ý kiến đã xác định tại nội dung phiếu hoặc thư điện tử xin ý kiến hoặc không được gửi lại được coi là phiếu không có ý kiến.</p> <p>4. Trưởng BKS tổ chức, chỉ đạo Phòng Hỗ trợ và Giúp việc BKS giúp việc kiểm phiếu và lập Biên bản tổng hợp ý kiến. Biên bản tổng hợp ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến thông qua; Họ và tên thành viên BKS đã tham gia biểu quyết trong đó phân biệt số phiếu, ý kiến biểu quyết hợp lệ và số phiếu, ý kiến biểu quyết không lệ, phương thức gửi phiếu, ý kiến; Tổng số phiếu, ý kiến tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; Các vấn đề được thông qua; Họ tên và chữ ký của Trưởng BKS và người trực tiếp kiểm phiếu, ý kiến. Trưởng BKS và những người tham gia kiểm phiếu, ý kiến phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản tổng hợp ý kiến.</p> <p>5. Biên bản tổng hợp ý kiến phải gửi cho các thành viên BKS trong thời gian 03 ngày kể từ ngày lập. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận Biên bản tổng hợp ý kiến, thành viên BKS gửi ý kiến cho Trưởng BKS nếu có khiếu nại về nội dung của Biên bản tổng hợp ý kiến.</p> <p>6. Phiếu lấy ý kiến được trả lời, bản in thư điện tử, Biên bản tổng hợp ý kiến và các tài liệu liên quan được lưu giữ tại BKS.</p> <p>7. Việc thông qua quyết định của BKS bằng hình thức lấy phiếu biểu quyết bằng văn bản, ý kiến qua thư điện tử có giá trị như được thông qua tại cuộc họp.</p>	
10	<i>Không quy định</i>	<p>Điều 18. Thông qua các quyết định của BKS</p> <p>1. Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS dự họp tán thành (bao gồm cả phiếu tán thành của thành viên trực tiếp dự họp và ủy quyền). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.</p> <p>2. Quyết định của BKS trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, qua thư điện tử được thông qua khi được hơn 1/2 số thành viên BKS tham gia biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS.</p> <p>3. Biên bản họp hoặc Biên bản tổng hợp ý kiến là bằng chứng mang tính kết luận, thông qua các quyết định của BKS. Tùy vào thực tế vận hành, quyết định của BKS được cụ thể hóa bằng các văn bản như: Nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận, phê duyệt trên báo cáo, tờ trình... Trung tâm KTNB hoặc Phòng Hỗ trợ và Giúp việc BKS có trách nhiệm thông báo, triển khai các quyết định của BKS đến các Đơn vị, cá nhân có liên quan để tổ chức và/hoặc phối hợp thực hiện.</p>	Bổ sung để phù hợp với thực tế vận hành và đảm bảo các nội dung theo quy định pháp luật

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
11	Điều 18. Báo cáo hàng năm 8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống KSNB trong việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và các hoạt động khác theo quy định pháp luật (nếu có).	Điều 19. Báo cáo hàng năm <i>Không quy định</i>	Sửa đổi tương ứng với điểm sửa đổi tại Khoản 15 Điều 6 Quy chế

4. Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
1	Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt 1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: b) Người Điều Hành: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh.	Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt 1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: b) Người Điều Hành: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh <u>và các chức danh khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ.</u>	Cập nhật tương ứng theo Khoản 7 Điều 1 dự thảo Điều lệ trình ĐHĐCĐ 2026
2	Điều 8. Cuộc họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ 4. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Điều 8. Cuộc họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ 4. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên <u>sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán</u> của Ngân hàng. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi <u>giấy mời họp ĐHĐCĐ</u> . Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Cập nhật theo Khoản 1 Điều 30 Điều lệ TPBank hiện hành (<i>bản hành ngày 01/12/2025</i>)
3	Điều 15. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT 1. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	Điều 15. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT 1. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. <u>Nhiệm kỳ, cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT, bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 52 Điều lệ Ngân hàng.</u>	Bổ sung dẫn chiếu đến quy định tại Điều lệ, tham khảo PLII Thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
4	<p>Điều 15. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT <i>Không quy định</i></p> <p>Điều 24. Vai trò quản trị cấp cao của HĐQT HĐQT có những nhiệm vụ trong vai trò quản trị cấp cao Ngân hàng sau đây: 1. Thiết lập chiến lược, mục tiêu hoạt động và giám sát việc thực hiện. 2. Thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với hệ thống kiểm soát nội bộ: ...</p>	<p>Điều 15. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT <u>4. HĐQT thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với hoạt động kiểm soát, quản lý rủi ro của Ngân hàng theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của TPBank.</u> <u>5. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Nhân sự do HĐQT quyết định theo quy định của NHNN và phải đảm bảo mỗi Ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết không phải là Người Điều Hành. HĐQT được thành lập các Ủy ban khác (nếu cần thiết).</u></p>	Bổ sung tại Điều 15 nội dung chung về chức năng giám sát cấp cao của HĐQT và các Ủy ban giúp việc của HĐQT theo Khoản 5 Điều 50 Luật Các TCTD, điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư 83/2025/TT-NHNN, PLII Thông tư 116/2020/TT-BTC (trước quy định tại Điều 24 Quy chế)
5	<p>Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT 3. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, Người quản lý khác trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng. Người được yêu cầu cung cấp phải cung cấp kịp thời, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và tính chính xác của thông tin, tài liệu được cung cấp.</p>	<p>Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT 3. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, <u>Thành viên BĐH</u> cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị, <u>công ty con</u> của Ngân hàng. Người được yêu cầu cung cấp phải cung cấp kịp thời, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và tính chính xác của thông tin, tài liệu được cung cấp.</p>	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ và cập nhật phù hợp với thực tế vận hành
6	<p>Điều 26. Cơ cấu tổ chức và vai trò của BKS trong quản trị Ngân hàng 3. BKS thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ TPBank. Cơ cấu tổ chức giám sát của BKS thực hiện theo quy định pháp luật, NHNN, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của BKS.</p>	<p>Điều 25. Cơ cấu tổ chức và vai trò của BKS 3. BKS thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ TPBank. Cơ cấu tổ chức giám sát của BKS thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của BKS.</p>	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ và cập nhật phù hợp với thực tế vận hành
7	<p>Điều 40. TGD, nhiệm vụ và quyền hạn của TGD 3. TGD thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với hệ thống kiểm soát nội bộ: a) Thiết lập cơ cấu tổ chức giám sát của TGD đảm bảo thành lập Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý tài sản/nợ phải trả (Hội đồng ALCO), Hội đồng quản lý vốn theo quy định pháp luật về hệ thống KSNB của ngân hàng thương mại và quy định nội bộ</p>	<p>Điều 33. TGD, nhiệm vụ và quyền hạn của TGD 3. <u>TGD thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với hoạt động kiểm soát, quản lý rủi ro của Ngân hàng theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của TPBank.</u></p>	Nội dung này trước đây được quy định căn cứ/tham khảo Thông tư 13/2018/TT-NHNN - là phần không bắt buộc trong "Quy chế nội bộ về quản trị công ty" theo mẫu tại Thông tư

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
	<p>của TPBank ban hành từng thời kỳ. Quy định về tổ chức và hoạt động của các Hội đồng do TGD ban hành tối thiểu bao gồm chức năng, nhiệm vụ của các hội đồng, số lượng thành viên và chức năng, nhiệm vụ của các thành viên; cơ chế ra quyết định; họp định kỳ; họp đột xuất và các nội dung khác. Ý kiến thảo luận (ý kiến thống nhất và không thống nhất) và kết luận trong cuộc họp của Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn phải được ghi lại bằng văn bản.</p> <p>b) TGD thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Ngân hàng theo quy định pháp luật về hệ thống KSNB của ngân hàng thương mại và quy định nội bộ của TPBank ban hành từng thời kỳ.</p>		116/2020/TT-BTC. Do đó, đề xuất quy hoạch lại văn bản theo hướng chuyển các nội dung quy định cụ thể theo Thông tư của NHNN xuống văn bản do HĐQT ban hành để linh hoạt và tuân thủ theo Thông tư 83/2025/TT-NHNN (hiệu lực từ ngày 01/07/2026, thay thế Thông tư 13/2018/TT-NHNN)
8	<p>Điều 49. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT và BKS và TGD</p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS</p> <p>d) Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS;</p> <p>e) HĐQT có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho BKS;</p> <p>f) HĐQT phối hợp với bộ phận KTNB khi KTNB thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT;</p>	<p>Điều 42. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT và BKS và TGD</p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS</p> <p>d) Các nghị quyết, <u>quyết định</u> của HĐQT được gửi đến BKS;</p> <p>e) HĐQT có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho BKS <u>theo đề nghị của BKS</u>;</p> <p>f) HĐQT phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ <u>khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT</u>;</p>	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ và cập nhật phù hợp với thực tế vận hành
9	<p>Điều 49. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT và BKS và TGD</p> <p>2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD</p> <p>a) TGD và/hoặc thành viên BDH liên quan có thể được tham gia các phiên họp của HĐQT và ĐHĐCĐ, có nhiệm vụ báo cáo chương trình, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kết quả tài chính, kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, phương hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh của TPBank, trả lời các chất vấn của HĐQT và ĐHĐCĐ đối với công việc điều hành ngân hàng;</p> <p>b) TGD và/hoặc các thành viên BDH chỉ được thực hiện những công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, chủ tịch HĐQT sau</p>	<p>Điều 42. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT và BKS và TGD</p> <p>2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD</p> <p>a) TGD và/hoặc thành viên BDH liên quan có thể được tham gia các phiên họp của HĐQT và ĐHĐCĐ, có nhiệm vụ báo cáo chương trình, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kết quả tài chính, kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, phương hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh của TPBank, trả lời các chất vấn của HĐQT và ĐHĐCĐ đối với công việc điều hành ngân hàng;</p> <p>b) <u>TGD được quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố</u></p>	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ, cập nhật phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế vận hành

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
	<p>khi có Nghị quyết hoặc Quyết định của HĐQT, chủ tịch HĐQT cho phép thực hiện;</p> <p>c) TGD và/hoặc các thành viên BĐH giữ quan hệ và thông tin thường xuyên với các thành viên HĐQT và có chế độ làm việc, báo cáo định kỳ với chủ tịch HĐQT về các hoạt động kinh doanh, đối ngoại và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng;</p> <p>d) Các cuộc họp sơ kết, tổng kết công tác, các cuộc họp giao ban định kỳ của BĐH phải có người phụ trách quản trị ngân hàng tham dự để trao đổi thông tin, tăng cường chỉ đạo và lãnh đạo thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định, quy chế của HĐQT đã ban hành. Trong những trường hợp cần thiết, HĐQT, thành viên HĐQT có thể tham gia các cuộc họp của BĐH;</p> <p>e) Các báo cáo định kỳ, đột xuất của các thành viên BĐH, đơn vị gửi cho TGD, các văn bản đối ngoại, các quyết định, chỉ thị, thông báo và các chỉ đạo bằng văn bản khác của TGD đối với các thành viên BĐH, với các đơn vị trong hệ thống TPBank được sao gửi ngay tới các thành viên EXCO. Tùy theo yêu cầu của EXCO, TGD hoặc thành viên BĐH có trách nhiệm báo cáo tổng hợp và/hoặc chuyên đề đối với những vấn đề có liên quan tại cuộc họp do EXCO triệu tập định kỳ hoặc đột xuất;</p> <p>f) Định kỳ hàng quý HĐQT sẽ họp với BĐH để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao quý trước và kế hoạch triển khai công việc, nhiệm vụ trong quý tiếp theo; - Kiểm điểm việc tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐQT và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD. 	<p>và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo HĐQT;</p> <p>c) TGD và/hoặc các thành viên BĐH giữ quan hệ và thông tin thường xuyên với các thành viên HĐQT và có chế độ làm việc, báo cáo định kỳ với Chủ tịch HĐQT về các hoạt động kinh doanh, đối ngoại và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng;</p> <p>d) Các cuộc họp sơ kết, tổng kết công tác, các cuộc họp giao ban định kỳ của BĐH phải có Người phụ trách quản trị ngân hàng tham dự để trao đổi thông tin, tăng cường chỉ đạo và lãnh đạo thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định, quy chế của HĐQT đã ban hành. Trong những trường hợp cần thiết, HĐQT, thành viên HĐQT có thể tham gia các cuộc họp của BĐH.</p>	
10	<p>Điều 24. Vai trò quản trị cấp cao của HĐQT</p> <p>HQĐT có những nhiệm vụ trong vai trò quản trị cấp cao Ngân hàng sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thiết lập chiến lược, mục tiêu hoạt động và giám sát việc thực hiện. 2. Thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với hệ 	<i>Không quy định</i>	Các nội dung này trước đây được quy định căn cứ/tham khảo Thông tư 13/2018/TT-NHNN - là phần không bắt buộc trong “Quy chế nội bộ về quản trị công ty” theo

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do, cơ sở điều chỉnh
	<p>thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>3. Thiết lập văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kiểm soát và văn hóa rủi ro lành mạnh với kỳ vọng ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đảm bảo tuân thủ luật pháp, các quy định của Ngân hàng.</p> <p>4. Các nhiệm vụ khác của HĐQT được quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của TPBank và các quy định của pháp luật.</p> <p>CHƯƠNG V: KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ KIỂM SOÁT TUÂN THỦ</p> <p>Mục 1. Trung tâm Kiểm toán nội bộ</p> <p>Điều 32. Cơ cấu tổ chức, hoạt động của TTKTNB</p> <p>Điều 33. Tiêu chuẩn, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với kiểm toán viên nội bộ</p> <p>Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của TTKTNB</p> <p>Mục 2. Trung tâm Kiểm soát nội bộ và tuân thủ</p> <p>Điều 35. Cơ cấu tổ chức, hoạt động của TTKSNB&TT</p> <p>Điều 36. Chức năng và nhiệm vụ của TTKSNB&TT</p> <p>Điều 37. Nguyên tắc hoạt động của TTKSNB&TT</p>		<p>mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC. Do đó, đề xuất quy hoạch lại văn bản theo hướng chuyển các nội dung quy định cụ thể theo Thông tư của NHNN xuống văn bản do HĐQT ban hành để linh hoạt và tuân thủ theo Thông tư 83/2025/TT-NHNN (hiệu lực từ ngày 01/07/2026, thay thế Thông tư 13/2018/TT-NHNN)</p>

5. Quy chế Tài chính

- Quy chế Tài chính hiện hành của TPBank được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua và giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định, phê duyệt ban hành (*Quy chế số 15/2024/QC-TPB.HĐQT*). Nội dung Quy chế này được xây dựng phù hợp với quy định pháp luật (*Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước*) và yêu cầu quản trị của TPBank tại thời điểm ban hành.

- Chính phủ đã ban hành **Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025** về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước, thay thế cho Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017. Trong đó, Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP quy định: “Căn cứ quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xây dựng quy chế tài chính của mình và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ, quy chế nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phê duyệt để làm căn cứ thực hiện” (thay đổi quy định về thẩm quyền ban hành Quy chế tài chính so với Nghị định số 93/2017/NĐ-CP - yêu cầu tổ chức tín dụng phải trình ĐHĐCĐ, hoặc HĐQT nếu được ĐHĐCĐ ủy quyền, phê duyệt Quy chế tài chính).

→ Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP, dự thảo Điều lệ sửa đổi trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 đã bổ sung thẩm quyền của HĐQT trong việc *ban hành “Quy chế tài chính” của Ngân hàng*. Theo đó, **kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc bãi bỏ Quy chế Tài chính (số 15/2024/QC-TPB.HĐQT), hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua**. HĐQT sẽ ban hành Quy chế Tài chính của TPBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Số: 02 /2026/TTr-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

*V/v Thành lập Ngân hàng con 100% vốn của TPBank hiện diện tại
Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam*

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông**Căn cứ:**

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Việt Nam ("**Nghị Quyết 222**");
- Nghị định số 329/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Việt Nam ("**Nghị Định 329**");
- Nghị định số 324/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 về chính sách tài chính trong Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Việt Nam ("**Nghị Định 324**");
- Điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong ("**TPBank**");
- Quy chế số 08/2024/QC-TPB.HĐQT ngày 19/06/2024 về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**");
- Xét đề xuất của Tổng Giám đốc.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên 2026 xem xét, thông qua việc TPBank thành lập Ngân hàng con 100% vốn của TPBank hiện diện tại Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam, đặt trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tên là "**TPBank VIFC**"), với các nội dung chính như sau:

I. Cơ sở pháp lý

Thời gian qua, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản tạo hành lang pháp lý cho việc hình thành và vận hành Trung tâm Tài chính quốc tế tại Việt Nam (VIFC). Trung tâm tài chính quốc tế là khu vực có ranh giới địa lý xác định do Chính phủ thành lập đặt tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng, tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách theo quy định (Khoản 1 Điều 3 Nghị Quyết 222). Trong đó, việc TPBank thành lập Ngân hàng con 100% vốn tại VIFC, đặt trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh căn cứ trực tiếp vào các văn bản/nội dung chính như sau:

- Thành viên VIFC là chủ thể được ghi nhận theo hình thức đăng ký hoặc được công nhận Thành viên hoặc được cấp giấy phép thành lập, hoạt động theo quy định tại Nghị Quyết 222 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành (Khoản 2 Điều 3 Nghị Quyết 222). Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của NHTM tại VIFC và quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại VIFC thực hiện theo Nghị Định 329.

- NHTM trong nước chỉ được thành lập *01 hiện diện* tại VIFC dưới hình thức “*NHTM trách nhiệm hữu hạn một thành viên*” (Khoản 4 Điều 10 Nghị Quyết 222; Khoản 1 Điều 4 Nghị Định 329) (Ngân hàng thành viên). Cơ quan điều hành VIFC thực hiện cấp, sửa đổi/bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thành viên (Khoản 1 Điều 9 Nghị Định 329). Điều kiện cấp Giấy phép thành lập NHTM 100% vốn trong nước (Điều 12 Nghị Định 329).
- Vốn Điều lệ của Ngân hàng thành viên: tuân thủ quy định pháp luật về *mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài - hiện là 3.000 tỷ đồng* (Khoản 1 Điều 10 Nghị Định 329; Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 86/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019).
- Ngân hàng thành viên thực hiện nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác được ghi trong Giấy phép cấp cho từng Ngân hàng thành viên (Khoản 1 Điều 47 Nghị Định 329); đối với NHTM 100% vốn trong nước được thực hiện các nội dung hoạt động theo quy định tại Điều 47, Điều 57 đến Điều 62 Nghị Định 329.

II. Sự cần thiết và mục tiêu khi tham gia VIFC

- Tháng 02/2026, Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam tại TP. HCM (VIFC-HCMC) chính thức ra mắt, trong đó ***TPBank là một trong các Thành viên Sáng lập***. Việc tham gia VIFC-HCMC từ giai đoạn đầu giúp TPBank khẳng định vai trò trong hệ sinh thái VIFC, đồng thời tạo nền tảng pháp lý và chiến lược cho các lĩnh vực trọng tâm như ngân hàng số, thanh toán quốc tế, tài sản số và thị trường vốn theo chuẩn mực quốc tế.
 - Việc thành lập Ngân hàng con 100% vốn tại VIFC, đặt trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh mang lại những lợi thế cạnh tranh và được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù so với mô hình ngân hàng truyền thống hiện nay. TPBank định hướng TPBank VIFC hoạt động theo ***mô hình Intelligent Banking***, tập trung vào các mảng chính như: *Hạ tầng tài chính số và thanh toán xuyên biên giới; Giải pháp tài chính thương mại và chuỗi cung ứng quốc tế; Tài sản số và token hóa; Sản phẩm phái sinh, hàng hóa và quản trị rủi ro; Thị trường vốn và phát hành trái phiếu quốc tế*. Trong giai đoạn đầu, trọng tâm là thanh toán quốc tế, kết nối Ngân hàng – Fintech – Thị trường vốn và thu xếp nguồn vốn quốc tế, sau đó từng bước mở rộng sang hệ sinh thái tài chính số theo khung pháp lý phù hợp.
- ⇒ ***Sự hiện diện tại VIFC giúp mở rộng hoạt động quốc tế, khả năng kết nối với các định chế tài chính, nhà đầu tư và đối tác toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo dư địa phát triển bền vững cho TPBank.***

III. Thông tin cơ bản về TPBank VIFC (dự kiến)

1. Tên tiếng Việt: **NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TIỀN PHONG VIFC**
2. Tên viết tắt: **TPBANK VIFC**
3. Loại hình: **Ngân hàng TNHH Một Thành viên** (TPBank sở hữu 100% vốn)
4. Địa chỉ trụ sở chính: Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.
5. Thời hạn hoạt động: Tối đa không quá 99 năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định 329.
6. Nội dung hoạt động: Thực hiện các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác theo

quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam.

7. Vốn điều lệ tối thiểu: **3.000.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba nghìn tỷ đồng) - tuân thủ quy định về vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hiện hành.

Trên đây là một số thông tin cơ bản của TPBank VIFC (dự kiến) tại thời điểm đề xuất ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Thông tin cụ thể/chính thức liên quan đến TPBank VIFC cần tuân thủ theo các hướng dẫn của Cơ quan điều hành Trung tâm Tài chính quốc tế thời gian tới.

IV. Nội dung đề xuất

Trên cơ sở các nội dung phân tích, báo cáo nêu trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt những nội dung cơ bản như sau:

1. Thông qua việc TPBank thành lập Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên (do TPBank làm chủ sở hữu) hiện diện tại Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam, đặt trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh ("**TPBank VIFC**").
2. Thông qua giao/ủy quyền cho HĐQT được quyền quyết định/phê duyệt, tổ chức thực hiện tất cả các công việc cần thiết, cùng với những sửa đổi, bổ sung, thay thế mà HĐQT xét thấy cần thiết hoặc phải có để đảm bảo việc thành lập TPBank VIFC đã được thông qua nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:
 - a. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thành lập TPBank VIFC phù hợp với tình hình thực tiễn, hướng dẫn của của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/Cơ quan điều hành Trung tâm Tài chính quốc tế, quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.
 - b. Quyết định nội dung, ký các văn bản, hồ sơ, tài liệu liên quan để thực hiện, hoàn thiện các thủ tục xin chấp thuận/cấp phép với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/Cơ quan điều hành Trung tâm Tài chính quốc tế; quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này (khi xét thấy cần thiết) theo quy định pháp luật, yêu cầu/hướng dẫn của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/Cơ quan điều hành Trung tâm Tài chính quốc tế và/hoặc thực tế phát sinh.
 - c. Quyết định các nội dung có liên quan khác để triển khai thành công việc TPBank thành lập TPBank VIFC theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của TPBank.
 - d. HĐQT được giao/ủy quyền cho cá nhân/đơn vị khác thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền nêu trên, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ của TPBank, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của TPBank.

HĐQT báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nêu trên tại cuộc họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ MINH PHÚ

Số: 03 /2026/TTr-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH*V/v: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong nhiệm kỳ 2023-2028***Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Căn cứ:**

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank");
- Xét Đơn xin từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Mai Sương – Thành viên Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị kính trình Quý Cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028, như sau:

Ngày 31/12/2025, bà Nguyễn Thị Mai Sương - Thành viên Hội đồng Quản trị có Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 01/01/2026.

Căn cứ quy định của pháp luật và Điều lệ TPBank, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 đối với bà Nguyễn Thị Mai Sương.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Đỗ Minh Phú**

Số: 04/2026/TTr-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Căn cứ:**

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung) ("**Luật Các TCTD 2024**") và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư số 20/2025/TT- ngày 31/07/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng ("**Thông tư 20**");
- Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("**TPBank**");
- Công văn số 2417/NHNN-QLGS ngày 31/03/2026 về việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 của TPBank.

Nhằm tăng cường công tác quản trị - giám sát cấp cao, phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển của TPBank trong thời gian tới, đồng thời, bổ sung thêm thành viên Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") độc lập theo quy định tại Điều 69 Luật Các TCTD 2024, ngày 03/12/2025, TPBank đã gửi Thông báo số 140/2025/TPB.HĐQT cho các cổ đông về việc ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028; trong đó thông báo số lượng thành viên HĐQT dự kiến bầu bổ sung, tiêu chuẩn, điều kiện phải đáp ứng đối với chức danh được bầu và hồ sơ, thủ tục ứng cử, đề cử đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Đến hết thời hạn tại Thông báo số 140/2025/TPB.HĐQT (trước 17h00 ngày 15/01/2026), TPBank đã nhận được thông tin đề cử từ các Nhóm cổ đông hợp lệ. Trên cơ sở đó, HĐQT đã tổ chức họp để thảo luận, thẩm định và thông qua danh sách nhân sự dự kiến được bầu bổ sung làm thành viên HĐQT TPBank nhiệm kỳ 2023 – 2028 và đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") bầu cử.

HĐQT trân trọng kính trình Quý Cổ đông xem xét, thông qua như sau:



1. Về nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT (năm 2023 – 2028).

2. Về số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung

Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 02 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.

3. Về cơ cấu của HĐQT sau khi bầu bổ sung

HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 gồm 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ TPBank.

4. Về tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT

- Đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định đối với thành viên HĐQT (Khoản 1 Điều 41 Luật Các TCTD 2024, Khoản 1 Điều 43 Điều lệ TPBank) và đối với thành viên HĐQT độc lập (Khoản 2 Điều 41 Luật Các TCTD 2024, Điều 44 Điều lệ TPBank).

- Không vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT (Khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD 2024, Khoản 1 Điều 41 Điều lệ TPBank) và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ (Điều 43 Luật Các TCTD 2024, Điều 42 Điều lệ TPBank).

5. Thông tin về ứng cử viên được trình ĐHĐCĐ xem xét, bầu bổ sung làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028

- Bà Đỗ Quỳnh Anh
- Bà Nguyễn Thị Hương Trang (ứng cử thành viên HĐQT độc lập)

(Thông tin tóm tắt của các ứng cử viên đính kèm Tờ trình)

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *TUS*
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đỗ Minh Phú

**TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG CỬ VIÊN DỰ KIẾN
BẦU BỔ SUNG LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG
NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

1. Bà Đỗ Quỳnh Anh

- Ngày sinh: 13/12/1995
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân tại Trường Vassar College
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Đỗ Quỳnh Anh có hơn 6 năm công tác trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; trong đó có gần 4 năm làm việc tại tổ chức kiểm toán quốc tế - Công ty TNHH PWC (Việt Nam), Bộ phận Dịch vụ kiểm toán và tư vấn quản trị rủi ro. Bà đã tham gia các nhóm kiểm toán thực hiện rà soát, phân tích chuyên sâu dữ liệu tài chính, lập báo cáo tài chính và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra khuyến nghị chiến lược đối với các khách hàng, tổ chức thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề đa dạng. Hiện tại, Bà đang trong thời gian hoàn thành bằng Thạc sỹ tại nước ngoài.
- Chức danh dự kiến bầu: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028

2. Bà Nguyễn Thị Hương Trang

- Ngày sinh: 21/07/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ tại Trường Học viện Tài chính
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Nguyễn Thị Hương Trang có hơn 24 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán ở các doanh nghiệp, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý phụ trách về kế toán, kiểm soát. Bà đã trải qua gần 8 năm gắn bó với Công ty Cổ phần Diana Unicharm – doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam chuyên sản xuất các sản phẩm chăm sóc vệ sinh cá nhân và hiện đang là Kế toán trưởng công ty.
- Chức danh dự kiến bầu: Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2023 - 2028



QUY CHẾ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG
NHIỆM KỲ 2023 - 2028

(tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung) ("**Luật Các TCTD 2024**") và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ("**TPBank**").

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên năm 2026 diễn ra vào ngày 24/04/2026 của TPBank được thực hiện như sau:

1. Nguyên tắc bầu cử

- Cổ đông có tên trên Danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 vào ngày 24/04/2026, bao gồm cả người được ủy quyền hợp pháp của cổ đông (sau đây gọi chung là "**Đại biểu**"), có quyền dự họp và thực hiện quyền bầu cử.
- Bầu cử công khai bằng hình thức bầu cử trực tiếp và bỏ phiếu kín tại cuộc họp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ TPBank.

2. Số lượng thành viên HĐQT 2023 – 2028 được bầu bổ sung

Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 02 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT

- Đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định đối với thành viên HĐQT (Khoản 1 Điều 41 Luật Các TCTD 2024, Khoản 1 Điều 43 Điều lệ TPBank) và đối với thành viên HĐQT độc lập (Khoản 2 Điều 41 Luật Các TCTD 2024, Điều 44 Điều lệ TPBank).
- Không vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT (Khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD 2024, Khoản 1 Điều 41 Điều lệ TPBank) và

những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ (*Điều 43 Luật Các TCTD 2024, Điều 42 Điều lệ TPBank*).

4. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử do TPBank phát ra có in Mã Đại biểu, Họ và tên Đại biểu, Số phiếu biểu quyết (tương đương với Số cổ phần sở hữu, bao gồm cả Số cổ phần được uỷ quyền - nếu có), Tổng số phiếu bầu (đã được tính theo nguyên tắc bầu dồn phiếu). Mỗi Đại biểu khi làm thủ tục đăng ký dự họp sẽ được phát 01 Phiếu bầu cử HĐQT để bầu thành viên HĐQT. Đại biểu cần kiểm tra kỹ các thông tin ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức để cấp lại phiếu chính xác.

- Phiếu bầu cử đã in sẵn danh sách các ứng cử viên HĐQT và cột để điền số phiếu bầu tương ứng từng ứng cử viên. Trên phiếu có các thông tin hướng dẫn cách thức ghi phiếu và phân ký tên của Đại biểu.

5. Phương thức bầu cử

- Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Đại biểu có “**Tổng số phiếu bầu**” tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ nhân (x) với số ứng cử viên được bầu vào HĐQT. “**Tổng số phiếu bầu**” của mỗi Đại biểu được tính sẵn và in trên Phiếu Bầu cử.

- Đại biểu có quyền dồn hết “**Tổng số phiếu bầu**” của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia “**Tổng số phiếu bầu**” tùy ý cho một số ứng cử viên nhưng tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá “**Tổng số phiếu bầu**” mà Đại biểu có.

- Số lượng ứng cử viên bầu bổ sung làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 là 02 ứng cử viên, theo đó tổng số phiếu bầu của mỗi Đại biểu bằng tổng số phiếu biểu quyết nhân (x) với 2.

Ví dụ về nguyên tắc bầu dồn phiếu:

- Đại biểu A tham dự ĐHĐCĐ với tổng số phiếu biểu quyết là 1.000. Đại biểu A sẽ có: $1.000 \times 2 = 2.000$ phiếu để bầu thành viên HĐQT.

- Theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, Đại biểu A có thể bầu theo một trong các trường hợp sau với điều kiện tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá 2.000 phiếu.

- + Bầu đều số phiếu bầu cho tất cả các thành viên HĐQT (mỗi ứng cử viên 1.000 phiếu); hoặc

- + Dồn hết 2.000 phiếu cho 1 ứng cử viên HĐQT và không bầu phiếu nào cho ứng cử viên còn lại; hoặc

- + Bầu số phiếu khác nhau cho mỗi ứng cử viên HĐQT (Ứng cử viên X: 1.000 phiếu, Ứng cử viên Y: 500 phiếu, ...).

6. Cách thức bầu cử

- Phiếu bầu cử ghi sẵn các phần (i) tên ứng cử viên và (ii) cột “**Số phiếu bầu**” có phần ghi số phiếu bầu:

- + Đại biểu bầu đều cho các ứng cử viên thì đánh dấu (x) hoặc (✓) vào các ô; hoặc

+ Đại biểu không bầu đều cho các ứng cử viên thì viết số phiếu muốn bầu cho từng ứng cử viên vào cột “Số phiếu bầu”. Nếu Đại biểu không bầu cho một hoặc một số ứng cử viên thì để trống cột “Số phiếu bầu” tương ứng với ứng cử viên hoặc một số ứng cử viên đó.

- Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Phiếu bầu do TPBank phát ra, có tên ứng cử viên theo danh sách được ĐHĐCĐ thông qua;

+ Phiếu không bị rách, tẩy xóa, thay đổi hoặc ghi thêm nội dung trên Phiếu do TPBank phát ra.

+ Phiếu được thực hiện theo quy định tại Mục 5 Quy chế này.

+ Đại biểu ký và ghi rõ họ tên trên phiếu.

- Phiếu bầu cử không đáp ứng đủ các điều kiện trên được xem là không hợp lệ.

7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định tại Mục 2 Quy chế này.

8. Công bố kết quả bầu cử

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử thành viên HĐQT được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ và được ghi nhận tại Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

9. Giải quyết khiếu nại

Những khiếu nại, thắc mắc về Quy chế bầu cử này sẽ do Chủ tọa hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Quy chế này có hiệu lực áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của TPBank.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Căn cứ:**

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung) ("**Luật Các TCTD**") và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong ("**TPBank**");
- Xét đề xuất của Tổng Giám đốc và nhu cầu thực tiễn tại TPBank.

Hội đồng Quản trị kính trình Quý Cổ đông xem xét, thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"), cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của TPBank

- Căn cứ Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 về việc Ban hành Chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Căn cứ Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về Kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;
- Căn cứ Báo cáo tài chính của TPBank năm 2025 đã được phát hành.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG phát hành theo các nội dung sau:

Báo cáo kiểm toán là **báo cáo chấp nhận toàn phần** đối với Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2025 của TPBank phát hành đính kèm.

Một số các chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như sau:



(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số liệu riêng lẻ	Số liệu hợp nhất
1	Tổng tài sản	497.054.526	505.901.570
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	9.102.446	9.231.078
3	Lợi nhuận chưa phân phối	9.522.647	9.629.495
4	Tiền gửi của khách hàng & Phát hành giấy tờ có giá	335.249.215	337.875.251
5	Cho vay khách hàng & Chứng khoán nợ do TCKT phát hành	310.110.521	312.841.418

Bộ Báo cáo tài chính đầy đủ năm 2025 đã được kiểm toán được công bố thông tin và đăng tải tại website của Ngân hàng: <http://tpb.vn/nha-dau-tu/bao-cao-tai-chinh>.

2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định năm 2025

- Căn cứ Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;
- Xét kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của TPBank theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG phát hành, TPBank đạt được Lợi nhuận riêng lẻ trước thuế là **9.102.446 triệu đồng** (Bằng chữ: Chín nghìn, một trăm linh hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu đồng), kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025 của TPBank như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu (Ngân hàng riêng lẻ)	Công thức	Thực hiện 2025
1	Lợi nhuận trước thuế		9.102.446
2	Thuế TNDN phải nộp		1.829.027
3	Lợi nhuận sau thuế	(3)=(1)-(2)	7.273.419
4	Trích 10% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(4)=(3)*10%	727.342
5	Trích 10% phần Lợi nhuận sau thuế còn lại (sau khi trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ tại STT 4 nêu trên) vào Quỹ dự phòng tài chính	(5)=((3)-(4))*10%	654.608
6	Trích Quỹ khen thưởng		5.000
7	Lợi nhuận để lại chưa phân phối 2025	(7)=(3)-(4)-(5)-(6)	5.886.469

3. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2027

- Căn cứ Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung);

- Căn cứ Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Điều lệ của TPBank;
- Xét nội dung đề xuất của các Đơn vị liên quan và tình hình thực tế.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2027, cụ thể như sau:

a) ĐHĐCĐ lựa chọn Công ty TNHH KPMG là tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm và cung cấp dịch vụ đảm bảo đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của TPBank và các công việc kiểm toán khác (nếu có) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2027 theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp không thực hiện được phương án tại mục a) nêu trên, ĐHĐCĐ thông qua lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập theo thứ tự ưu tiên sau đây để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm và cung cấp dịch vụ đảm bảo đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của TPBank và các công việc kiểm toán khác (nếu có) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2027 theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- (i) Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam;
- (ii) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

4. Thông qua cập nhật “Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm” theo quy định tại Điều 143 Luật Các TCTD

- Căn cứ Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của TPBank;
- Căn cứ Công văn số 890/QLGS4 ngày 23/03/2026 của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (“**Phương án**”) theo quy định tại Điều 143 Luật Các TCTD. Ngày 28/04/2025, TPBank đã có Văn bản số 49/2025/CV-TPB.HĐQT báo cáo NHNN nội dung Phương án này theo quy định. Ngày 23/03/2026, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có Công văn số 890/QLGS4 về một số ý kiến đối với Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm của TPBank, trong đó yêu cầu TPBank rà soát Phương án đã xây dựng để cập nhật, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện phù hợp với đặc thù, quy mô, hoạt động, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống thuộc trường hợp can thiệp sớm theo quy định pháp luật và trình ĐHĐCĐ thông qua, gửi NHNN theo quy định.

Theo đó, để đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Các TCTD và ý kiến, chỉ đạo của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án cập nhật theo dự

865-C
ANG
CỔ PHẦN
IONG
HÀ N

thảo đính kèm Tờ trình này (Chi tiết các nội dung tóm tắt về những sửa đổi, bổ sung đối với Phương án tại Phụ lục của Tờ trình).

5. Thông qua việc xuất toán các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đáp ứng các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước

- Căn cứ Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái;
- Xét tình hình thực tế.

Để đảm bảo công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của TPBank được kịp thời, phù hợp với thực tế nhu cầu hoạt động của Ngân hàng, kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc: (i) Xuất toán ra khỏi ngoại bảng đối với 85 khách hàng đã đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024, với tổng số dư nợ là 242 tỷ đồng và 12.255.539 USD; (ii) Tiếp tục rà soát các khách hàng đáp ứng các điều kiện tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP để trình ĐHĐCĐ xem xét xuất toán ra khỏi ngoại bảng trong kỳ họp tiếp theo; (iii) Giao cho Hội đồng Xử lý rủi ro (là Cấp thẩm quyền được TPBank thành lập theo Điều 10 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024) tiến hành các thủ tục có liên quan để triển khai việc xuất toán các khoản nợ nêu trên, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Minh Phú

Phụ lục

TÓM TẮT NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM

(Đính kèm Tờ trình số 08 /2026/TTr-TPB.HĐQT ngày 21 / 04 /2026)

1. Cập nhật thông tin, số liệu chung:

- Số liệu: Số liệu thực trạng tài chính, các số liệu căn cứ để giả định phương án được cập nhật theo các số liệu từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.
- Thông tin: Các thông tin về cơ cấu tổ chức các đơn vị trong TPBank, các hoạt động nổi bật, giải thưởng ... được cập nhật theo thông tin mới nhất tại thời điểm hiện tại.

2. Bổ sung nội dung cho các biện pháp triển khai nhằm khắc phục các trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật Các TCTD:

- **Trường hợp: Số lỗ lũy kế của TPBank lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN)**
 - Bổ sung giả định nguyên nhân về việc hoạt động kinh doanh của TPBank bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như Nợ xấu danh mục tín dụng gia tăng; (ii) Thu nhập lãi, phí giảm do cạnh tranh; (iii) Biến động tỷ giá; (iv) Biến động mạnh trên thị trường ảnh hưởng danh mục đầu tư và tài sản tài chính; (v) Chi phí hoạt động cao; (vi) Các ảnh hưởng tới hình ảnh và uy tín của TPBank.
 - Bổ sung số liệu giả định gắn với thực trạng, đặc thù hoạt động của Ngân hàng.
 - Bổ sung các giải pháp chi tiết theo lộ trình ngắn, trung và dài hạn, nêu rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị thực hiện các giải pháp này.
- **Trường hợp: Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN**
 - Bổ sung giả định nguyên nhân về việc tình huống nền kinh tế suy thoái khiến hoạt động của ngân hàng gặp nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh suy giảm ảnh hưởng nghiêm trọng tới điểm các chỉ tiêu định lượng và định tính được sử dụng trong Bộ tiêu chí xếp hạng ngân hàng theo quy định tại Thông tư 21/2025/TT-NHNN khiến Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5 dẫn đến việc TPBank xếp hạng D hoặc E.
 - Bổ sung số liệu giả định gắn với thực trạng, đặc thù hoạt động của Ngân hàng để minh họa cho các nguyên nhân và giải pháp tương ứng.
 - Bổ sung các giải pháp cụ thể theo lộ trình ngắn, trung và dài hạn, nêu rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị thực hiện các giải pháp này để cải thiện các tiêu chí xếp hạng theo mô hình CAMELS: (i) Vốn (C); (ii) Chất lượng tài sản (A); (iii) Quản trị điều hành (M); (iv) Kết quả hoạt động kinh doanh (E); (v) Khả năng thanh khoản (L); (vi) Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường (S).
- **Trường hợp: Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục.**
 - Bổ sung giả định nguyên nhân xuất phát từ nội bộ TPBank (tin đồn thất thiệt dẫn đến sự cố rút tiền hàng loạt, tài sản thanh khoản cao bị sụt giảm nghiêm trọng...), xuất phát từ hệ thống

1. C. P.

- (có cú sốc kinh tế vĩ mô, gián đoạn thị trường tài chính...) hoặc kịch bản hỗn hợp (giả định xảy ra khủng hoảng đặc thù của một ngân hàng lây lan ra toàn hệ thống ngân hàng).
- Bổ sung số liệu giả định gắn với thực trạng, đặc thù hoạt động của Ngân hàng để minh họa cho các nguyên nhân và giải pháp tương ứng.
 - Bổ sung các giải pháp cụ thể theo lộ trình ngắn, trung và dài hạn, nêu rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị thực hiện các giải pháp này.
 - **Trường hợp: Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN) trong thời gian 06 tháng liên tục.**
 - Bổ sung giả định nguyên nhân sụt giảm Tỷ lệ an toàn vốn – CAR: (i) Suy giảm chất lượng tín dụng của Ngân, tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn gia tăng làm tăng trích lập dự phòng dẫn đến lợi nhuận giảm và tác động trực tiếp làm giảm Vốn tự có; (ii) Giá bất động sản suy giảm làm hệ số rủi ro tăng dẫn đến RWA rủi ro tín dụng tăng; (iii) Lạm phát gia tăng kéo theo xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, mặt bằng lãi suất thị trường tăng cao rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB) gia tăng làm suy giảm giá trị kinh tế của vốn, làm gia tăng yêu cầu vốn đối với các khoản mục nhạy cảm với lãi suất.
 - Bổ sung số liệu giả định trong tình huống CAR sụt giảm căn cứ trên số liệu thực tế của TPBank.
 - Bổ sung các giải pháp và lộ trình thực hiện nêu rõ các đơn vị đầu mối và phối hợp thực hiện bao gồm:
 - + Các phương án khắc phục tổng thể;
 - + Các phương án khắc phục và lộ trình chi tiết: (i) Các giải pháp ngắn hạn bao gồm Tăng cường Vốn tự có; Kiểm soát và giảm Tài sản có rủi ro - RWA; (ii) Các giải pháp dài hạn bao gồm: Phát triển nền tảng Vốn bền vững; Nâng cao năng lực quản trị RWA;
 - **Trường hợp: Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN**
 - Bổ sung giả định nguyên nhân tin đồn thất thiệt ảnh hưởng tới uy tín ngân hàng, đồng thời hiệu ứng lây lan khiến cho việc bị rút tiền hàng loạt càng nghiêm trọng hơn, hoặc do khủng hoảng hệ thống từ việc một ngân hàng khác trong hệ thống bị đổ vỡ khiến khách hàng nghi ngờ tính an toàn của các ngân hàng còn lại.
 - Bổ sung các giải pháp và quy trình thực hiện diễn giải theo các quy định nội bộ của TPBank trong đó nêu rõ các cá nhân, đơn vị đầu mối và phối hợp thực hiện.

(Chi tiết tại nội dung “Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm” đính kèm Tờ trình)



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ.....	2
1. Các từ viết tắt.....	2
2. Giải thích từ ngữ	2
Điều 2. Mục đích	3
Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
1. Phạm vi điều chỉnh	3
2. Đối tượng áp dụng	3
CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ.....	3
Điều 4. Các trường hợp được NHNN thực hiện can thiệp sớm	3
Điều 5. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp TPBank được can thiệp sớm	3
1. Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của TPBank.....	4
2. Thực trạng tài chính và hoạt động của TPBank	8
3. Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục từng trường hợp quy định tại Điều 4 Phương án khắc phục này.....	9
4. Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục.....	28
CHƯƠNG II. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	29
Điều 6. Hiệu lực thi hành.....	29



PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các từ viết tắt

- ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Tiên Phong
- HĐQT:	Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Tiên Phong
- TGD:	Tổng Giám đốc
- UB QLRR:	Ủy ban Quản lý rủi ro
- Ủy ban SALCO:	Ủy ban ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả
- NHNN:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Ngân hàng/TPBank:	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
- Phương án khắc phục:	Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp TPBank được can thiệp sớm
- TCTD:	Tổ chức tín dụng
- GTCG:	Giấy tờ có giá
- TCKT:	Tổ chức kinh tế
- KHCN:	Khách hàng cá nhân
- KHDN:	Khách hàng doanh nghiệp
- Khối RM	Khối Quản trị rủi ro
- Khối FA:	Khối Tài chính
- Khối FM:	Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính
- Khối LC:	Khối Pháp chế và Tuân thủ
- Khối CM:	Khối Giám sát tín dụng và Phân luồng nợ
- Khối CR:	Khối Tín dụng
- Khối OP:	Khối Vận hành
- Trung tâm FRM:	Trung tâm Quản lý rủi ro Thị trường tài chính và Đầu tư – Khối RM
- Trung tâm ALM:	Trung tâm Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có – Khối FA
- Trung tâm MM:	Trung tâm Thị trường Tiền tệ - Khối FM
- TROPS:	Phòng Tác nghiệp giao dịch nguồn vốn, thị trường tiền tệ, đầu tư và lưu ký – Khối OP

2. Giải thích từ ngữ



- a. *Can thiệp sớm*: là việc NHNN áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với TCTD và yêu cầu TCTD đó thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của NHNN nhằm khắc phục tình trạng theo quy định tại Điều 4 Phương án khắc phục này.
- b. *Hoạt động ngân hàng*: là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ bao gồm nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
- c. *Rút tiền hàng loạt*: là việc TCTD bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN.
- d. *Vốn điều lệ*: là tổng mệnh giá cổ phần của TCTD là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông và được ghi vào Điều lệ của TCTD.

Điều 2. Mục đích

Phương án khắc phục được xây dựng nhằm xác định các hành động cần thực hiện, tuy nhiên cho phép linh hoạt trong điều kiện cụ thể để TPBank có thể phản ứng kịp thời với những tình huống khác nhau trong trường hợp được can thiệp sớm.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Phương án khắc phục này quy định các biện pháp triển khai và các nội dung liên quan khác trong trường hợp TPBank được can thiệp sớm.

2. Đối tượng áp dụng

Phương án khắc phục này được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống TPBank.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các trường hợp được NHNN thực hiện can thiệp sớm

NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi TPBank thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:

- a. Số lỗ lũy kế của TPBank lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN);
- b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN;
- c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục;
- d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN) trong thời gian 06 tháng liên tục;
- e. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.

Điều 5. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp TPBank được can thiệp sớm



Phương án khắc phục bao gồm những nội dung chủ yếu theo yêu cầu tại Khoản 2 Điều 143 Luật Các TCTD, cụ thể như sau:

1. Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của TPBank

a. Cơ cấu tổ chức của TPBank

Cơ cấu tổ chức của TPBank bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm quyết định các vấn đề quan trọng như định hướng phát triển, sửa đổi/bổ sung Điều lệ, bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
- Hội đồng Quản trị: Chịu trách nhiệm quản lý và giám sát hoạt động của Ngân hàng, bao gồm việc quyết định chiến lược kinh doanh, cơ cấu tổ chức và các vấn đề quan trọng khác. HĐQT thành lập các ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó có Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban giám sát tài sản/nợ phải trả và Ủy ban giám sát tín dụng và đầu tư.
- Ban Kiểm soát: Giám sát việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ trong hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả.
- Các cơ quan tham mưu/giúp việc của Hội đồng Quản trị bao gồm:
 - Ủy ban Quản trị cấp cao (EXCO): EXCO được HĐQT thành lập để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định tại Điều lệ của TPBank.
 - Ủy ban Nhân sự: tham mưu, giúp việc cho HĐQT liên quan tới công tác nhân sự; thay mặt HĐQT thực hiện quản lý, chỉ đạo đối với công tác nhân sự; phê duyệt hoặc ủy quyền cho các cấp, chức danh khác phê duyệt hệ thống chính sách (văn bản), hồ sơ đề xuất liên quan đến công tác nhân sự theo phân cấp, ủy quyền của HĐQT.
 - Ủy ban Quản lý rủi ro: đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong việc giám sát của HĐQT đối với quản lý rủi ro và thực hiện các công việc do HĐQT giao, phân quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Ủy ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả (SALCO): tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện giám sát các hoạt động quản lý Tài sản/Nợ phải trả và xử lý các công việc liên quan khác.
 - Ủy ban Giám sát tín dụng và đầu tư: tham mưu, giúp việc cho HĐQT và thực hiện nhiệm vụ giám sát liên quan đến hoạt động tín dụng, tài sản bảo đảm, bán trái phiếu doanh nghiệp và mua, bán giấy tờ có giá của TPBank.
- Các Khối nghiệp vụ và chức năng của TPBank bao gồm:
 - Khối Ngân hàng cá nhân: Phụ trách chuyên môn về công tác phát triển và quản lý các hoạt động kinh doanh liên quan tới KHCN.
 - Khối Ngân hàng doanh nghiệp: Phụ trách chuyên môn, chịu trách nhiệm về phát triển và quản lý kinh doanh của mảng KHDN (không bao gồm KHDN lớn thuộc Khối Đầu tư và KHDN lớn).

- Khối Đầu tư và KHDN lớn: Quản lý tập trung kinh doanh chứng khoán, GTCG và các hoạt động đầu tư tài chính khác; kinh doanh trực tiếp và phụ trách chuyên môn về công tác chính sách, sản phẩm, phát triển kinh doanh, quản lý các hoạt động kinh doanh liên quan tới KHDN lớn.
- Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính: Quản lý tập trung nguồn vốn, hoạt động ngoại hối và vàng của toàn TPBank, quản lý thanh khoản và thực hiện kinh doanh sinh lời dựa trên tối ưu hóa nguồn vốn TPBank, thực hiện các dịch vụ trên thị trường tài chính và tự doanh; định hướng thiết lập và quản lý quan hệ hợp tác giữa TPBank và các định chế tài chính.
- Khối Vận hành: Thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới hoạt động vận hành của ngân hàng, bao gồm: thanh toán, hỗ trợ tín dụng, vận hành thẻ, đảm bảo chất lượng, quản lý xây dựng và thông tin mạng lưới, giám sát an toàn và quản lý vận hành Livebank, dịch vụ khách hàng 24/7, mua sắm tập trung, văn phòng, dịch vụ giao dịch, điều phối và kiểm soát an toàn kho quỹ, kiểm soát sau.
- Khối Quản trị rủi ro: Đảm bảo việc nhận diện, đánh giá và quản lý các rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
- Khối Pháp chế và Tuân thủ: Chịu trách nhiệm tư vấn pháp lý; đại diện tham gia tố tụng nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và các cán bộ nhân viên Ngân hàng; kiểm soát các văn bản nội bộ; cung cấp thông tin phù hợp với quy định pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; kiểm soát hoạt động phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- Khối Tài chính: Phụ trách chuyên môn về hoạt động tài chính trên toàn hệ thống TPBank.
- Khối Tín dụng: Chịu trách nhiệm xây dựng, phát triển và quản lý các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tín dụng của TPBank.
- Khối Giám sát tín dụng và Phân luồng nợ: Phụ trách chuyên môn về công tác cảnh báo sớm, phân luồng nợ, giám sát, giải pháp giám sát đặc biệt và thu hồi nợ sớm, giải pháp tài chính, giải pháp cơ cấu nợ đối với khách hàng (KHCVN và KHDN) trên toàn hệ thống TPBank.
- Trung tâm Kiểm soát nội bộ và tuân thủ: Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ đối với mọi hoạt động của các đơn vị trên toàn hệ thống TPBank vì sự an toàn, hiệu quả của TPBank.
- Khối Công nghệ thông tin: Quản lý vận hành hệ thống, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ trên phạm vi toàn Ngân hàng; kiểm soát an ninh, an toàn của hệ thống, phòng chống thất thoát thông tin/dữ liệu; tham mưu cho Ban Điều hành và HĐQT trong việc phát triển, lựa chọn công nghệ và thực thi các định hướng, mục tiêu chiến lược về công nghệ thông tin.



- Khối Quản trị nguồn nhân lực: Phụ trách công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực trên toàn hệ thống TPBank.
- Trung tâm Truyền thông, Quản lý thương hiệu và Marketing: Tổ chức triển khai công tác truyền thông, quản lý thương hiệu và Marketing cho toàn hệ thống TPBank.

b. Một số thông tin hoạt động nổi bật của TPBank năm 2025

Tính đến ngày 31/12/2025, TPBank duy trì quy mô hoạt động ổn định với tổng tài sản đạt 497 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2025, ngân hàng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực trong bối cảnh môi trường kinh doanh của ngành ngân hàng chịu nhiều tác động.

Theo báo cáo tài chính trước hợp nhất năm 2025, lợi nhuận trước thuế của TPBank đạt khoảng 9.102 tỷ đồng, tăng gần 20% so với năm 2024. Kết quả này phản ánh sự ổn định trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng như hiệu quả của các giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng số, mở rộng hệ sinh thái tài chính và đa dạng hóa nguồn thu đã được triển khai trong thời gian qua.

Tổng tài sản của TPBank tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 497 nghìn tỷ đồng. Dự nợ tín dụng tăng khoảng 18% so với đầu năm, trong khi huy động vốn từ thị trường 1 tăng trên 20%. Việc tăng trưởng đồng thời ở cả tín dụng và huy động vốn giúp ngân hàng duy trì khả năng cân đối nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ tăng trưởng.

Về hiệu quả hoạt động, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) của ngân hàng duy trì ở mức trên 18%. Chất lượng tài sản tiếp tục được kiểm soát khi tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 1% tại thời điểm cuối năm 2025. Những chỉ tiêu này cho thấy hoạt động kinh doanh của ngân hàng duy trì mức hiệu quả ổn định trong năm.

Cơ cấu thu nhập của TPBank có xu hướng đa dạng hơn trong những năm gần đây. Tổng thu nhập hoạt động năm 2025 đạt gần 18.900 tỷ đồng, trong đó thu nhập thuần từ dịch vụ đạt trên 4.100 tỷ đồng, tăng gần 24% so với năm trước và chiếm khoảng 22% tổng thu nhập. Nguồn thu dịch vụ chủ yếu đến từ hoạt động thanh toán, dịch vụ thẻ, ngân hàng số và các dịch vụ tài chính dành cho khách hàng doanh nghiệp.

Trong chiến lược phát triển, TPBank tiếp tục tập trung vào chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và cải thiện chất lượng dịch vụ. Ngân hàng triển khai mô hình ngân hàng số dựa trên các nền tảng công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và điện toán đám mây. Hơn 80% hệ thống công nghệ của ngân hàng đã được tích hợp các ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ vận hành, phân tích dữ liệu và nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Nhờ việc đầu tư vào hạ tầng công nghệ, phần lớn giao dịch của khách hàng tại TPBank được thực hiện thông qua các kênh số. Việc gia tăng tỷ lệ giao dịch trên môi trường số góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, giảm chi phí hoạt động và cải thiện khả năng phục vụ khách hàng.

Cùng với việc phát triển ngân hàng số, quy mô khách hàng của TPBank tiếp tục tăng trưởng. Tính đến cuối năm 2025, ngân hàng phục vụ hơn 16 triệu khách hàng trên toàn hệ thống. Các nền tảng dịch vụ số được triển khai nhằm hỗ trợ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tiếp cận các sản phẩm tài chính thuận tiện hơn, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả vận hành của ngân hàng.

Trong lĩnh vực tín dụng số, TPBank triển khai các nền tảng cho vay trực tuyến nhằm hỗ trợ khách hàng tiếp cận vốn nhanh chóng và thuận tiện hơn. Các quy trình đăng ký và giải ngân được thực hiện trên môi trường số. Nền tảng cho vay số DICO đã phục vụ gần 6,2 triệu khách hàng trên toàn quốc. Riêng trong năm 2025, doanh số giải ngân qua kênh số đạt gần 45.000 tỷ đồng với hơn 281 triệu giao dịch được thực hiện.

Song song với hoạt động ngân hàng lõi, TPBank tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tài chính thông qua các công ty thành viên và đối tác. Ngân hàng đã hoàn tất góp vốn vào Công ty Chứng khoán Tiên Phong (TPS) và Công ty Quản lý tài sản (AMC), qua đó từng bước hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ tài chính bao gồm ngân hàng, chứng khoán và quản lý tài sản. Việc phát triển hệ sinh thái này giúp TPBank tăng cường khả năng cung cấp các giải pháp tài chính tổng thể cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Trong năm 2025, TPBank cũng huy động thành công 220 triệu USD vốn vay dài hạn từ các tổ chức tài chính quốc tế, bao gồm DFC (Hoa Kỳ) và JICA (Nhật Bản). Nguồn vốn này được sử dụng nhằm bổ sung nguồn lực tài chính cho hoạt động kinh doanh và hỗ trợ triển khai các chương trình tín dụng dài hạn.

Hoạt động dịch vụ, đặc biệt là mảng thẻ và thanh toán, tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng trong năm 2025. TPBank triển khai nhiều sản phẩm thẻ và giải pháp thanh toán nhằm mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt và nâng cao tiện ích cho khách hàng. Các sản phẩm thẻ của ngân hàng được tích hợp với nhiều chương trình ưu đãi và dịch vụ tiện ích, góp phần gia tăng số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, TPBank cũng chú trọng xây dựng nền tảng phát triển bền vững thông qua việc tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào chiến lược hoạt động của ngân hàng.

TPBank đã thực hiện Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) toàn diện, hoàn tất Khung quản trị rủi ro ESG, tích hợp yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào chiến lược kinh doanh. Ngân hàng đẩy mạnh tài chính bền vững qua Chiến lược và Khung tín dụng xanh, góp phần vào mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia. TPBank đã công bố Báo cáo Phát triển bền vững theo 4 tiêu chuẩn quốc tế (GRI, TCFD, IFC, SDG), được KPMG rà soát độc lập, và sẽ tiếp tục công bố Báo cáo hằng năm để khẳng định sự cam kết minh bạch và trách nhiệm với cộng đồng, môi trường.

Song song với các chương trình phát triển bền vững, TPBank cũng triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội tại nhiều địa phương trên cả nước nhằm hỗ trợ cộng đồng và góp phần vào các chương trình an sinh xã hội.



Trong năm 2025, TPBank tiếp tục được nhiều tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận thông qua các giải thưởng trong lĩnh vực ngân hàng số, dịch vụ thanh toán và hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Ngân hàng được The Asian Banker vinh danh là Ngân hàng Vững mạnh hàng đầu Việt Nam, đồng thời được các tổ chức đánh giá độc lập xếp hạng trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân uy tín tại Việt Nam.

Trong lĩnh vực tài trợ thương mại, TPBank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) trao danh hiệu Leading Partner Bank in Vietnam và Leading SME Trade Bank trong bốn năm liên tiếp, ghi nhận các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn và dịch vụ tài chính.

2. Thực trạng tài chính và hoạt động của TPBank

Các chỉ số tài chính chủ yếu về tình hình hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của TPBank tại 31/12/2025 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Kế hoạch 2025	+/- so với cuối năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2025
1	Tổng tài sản	418.051	497.055	450.000	79.004	110,46%
2	Vốn điều lệ	26.420	27.740	26.420	1.321	105,00%
3	Tổng huy động	374.048	445.531	420.000	71.484	106,08%
3.1	Tiền gửi khách hàng & phát hành GTCG	279.440	335.249		55.809	
3.2	Tiền gửi & vay của TCTD khác	94.514	110.141		15.628	
3.3	Vốn tài trợ ủy thác	94	141		47	
4	Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT	261.458	310.111	313.750	48.697	98,84%
4.1	Cho vay khách hàng	251.104	305.462	-	54.358	
4.2	Đầu tư trái phiếu TCKT	10.354	4.649	-	-5.661	
5	Tỷ lệ nợ xấu (*)	1,12%	0,97%	<2,5%	-0,15%	
6	Lợi nhuận trước thuế	7.599	9.102	9.000	1.503	101,14%
7	CAR	13,14%	12,80%		-0,34%	
8	ROE	16,89%	18,19%		1,30%	

(*) Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN

Tổng tài sản của TPBank đến 31/12/2025 đạt 497.055 tỷ đồng tăng 18,9% so với thời điểm cuối năm 2024.

Tổng dư nợ cấp tín dụng tại 31/12/2025 đạt 310.111 tỷ đồng, tăng trưởng 18,63% so với tổng dư nợ cấp tín dụng tại 31/12/2024. Tăng trưởng tín dụng của TPBank đảm bảo phù hợp và tuân thủ giới hạn tăng trưởng cho phép của NHNN.

Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN tại 31/12/2025 được kiểm soát ở mức 0,97%, hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ giao và đảm bảo tuân thủ mục tiêu định hướng của NHNN (kiểm soát ở mức <2,5%).

Toàn bộ các khoản cấp tín dụng đều được TPBank trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ căn cứ theo quy định của NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN và nghị định 86/2024/NĐ-CP. Đồng thời, TPBank cũng thực hiện sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và tích cực xử lý và thu hồi các khoản nợ xấu nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng và tránh những tác động tiêu cực trong tương lai.

TPBank duy trì kết quả hoạt động kinh doanh ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 9.102 tỷ đồng, tăng 1.503 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng tăng gần 20%.

Với định hướng và mục tiêu xuyên suốt là trở thành một tổ chức tài chính đa năng, cơ cấu lợi nhuận của TPBank năm 2025 đã có sự chuyển dịch giảm lệ thuộc vào hoạt động tín dụng và chuyển sang mô hình kinh doanh đa dịch vụ. Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2025 của TPBank đạt 18.861 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi thuần đạt 13.368 tỷ đồng, chiếm 70,9%; thu nhập thuần ngoài lãi đạt 5.493 tỷ đồng, chiếm 29,1%.

TPBank luôn tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN.

3. Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục từng trường hợp quy định tại Điều 4 Phương án khắc phục này

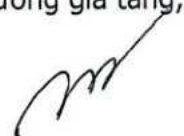
TPBank sẽ phân tích nguyên nhân, kết quả cụ thể của các trường hợp, đưa ra các giải pháp để xử lý các nguyên nhân căn cứ trên thực trạng, đặc thù hoạt động của Ngân hàng, và đưa ra các lộ trình khắc phục cho các trường hợp theo kế hoạch phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị đầu mối, đơn vị thực hiện.

a. Số lỗ lũy kế của TPBank lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.

▪ Nguyên nhân giả định:

Hoạt động kinh doanh của TPBank bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó, một số nguyên nhân có thể dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thua lỗ như sau:

- Nợ xấu danh mục tín dụng của TPBank gia tăng dẫn đến gia tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng và làm giảm thu nhập lãi;
- Thu nhập lãi giảm do cạnh tranh lãi suất, lãi suất thị trường gia tăng;



- Thu nhập phí giảm do cạnh tranh các sản phẩm dịch vụ, suy yếu nhu cầu trên thị trường;
- Biến động tỷ giá dẫn đến các giao dịch phái sinh hoặc kinh doanh ngoại tệ bị lỗ;
- Biến động mạnh trên thị trường dẫn đến danh mục đầu tư bị thua lỗ, tài sản tài chính bị giảm giá;
- Chi phí hoạt động cao do không có sự cải tiến cùng chính sách quản lý không phù hợp, không theo kịp thay đổi của thị trường;
- Ngân hàng bị vướng vào các vụ kiện pháp lý, gian lận dẫn đến ảnh hưởng hình ảnh và uy tín của TPBank, từ đó làm giảm sút niềm tin của khách hàng vào thương hiệu, gây suy giảm doanh thu;

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2025 của TPBank, Ngân hàng cần triển khai các biện pháp khắc phục dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước khi số lỗ lũy kế của TPBank từ mức 4.901 tỷ đồng trở lên.

▪ **Giải pháp, lộ trình khắc phục :**

Để khắc phục tình trạng của TPBank trong tình huống này, các giải pháp được đưa ra nhằm xử lý các nguyên nhân trên theo lộ trình ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phân công tới các đơn vị đầu mối và đơn vị thực hiện theo quy định nội bộ của TPBank, cụ thể như sau:

(i) Trong ngắn hạn (0-6 tháng)

Xử lý truyền thông để đảm bảo hoạt động thông suốt và danh tiếng của TPBank:

- Đối với nội bộ, Ban Lãnh đạo Ngân hàng cùng các cấp quản lý trung gian cần truyền đạt thông điệp rõ ràng để tránh tâm lý hoang mang và củng cố niềm tin của cán bộ nhân viên để đồng hành với TPBank qua giai đoạn khó khăn. Từ đó, Ngân hàng có thể hoạt động một cách ổn định, thông suốt.
- Đối với bên ngoài, Trung tâm PRM phụ trách đưa ra thông báo chính thức một cách minh bạch với khách hàng, qua đó củng cố niềm tin khách hàng và xử lý khủng hoảng truyền thông để hạn chế tình huống khách hàng rút tiền hàng loạt, gây mất cân đối thanh khoản.

Đảm bảo thanh khoản của TPBank:

- Trung tâm ALM làm đầu mối và phối hợp với Khối RM để theo dõi, quản lý và kiểm soát rủi ro thanh khoản theo quy định nội bộ, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về quản lý thanh khoản của NHNN cũng như theo thông lệ và chuẩn mực tiên tiến (Basel III, ILAAP...).

Kiểm soát danh mục tín dụng của Ngân hàng:

- Khối RM thực hiện rà soát danh mục tín dụng của Ngân hàng để xác định các lĩnh vực cho vay có rủi ro cao từ đó đưa ra đề xuất dừng hoặc siết hoạt động cho vay đối với các lĩnh vực này. Đồng thời, Khối CM làm đầu mối phân loại



nợ đối với danh mục tín dụng và phối hợp với các chi nhánh, đơn vị kinh doanh để đưa ra các phương án thu hồi, cơ cấu nợ cho các khoản vay có vấn đề.

Cắt giảm chi phí:

- Khối Đầu tư và KHDN lớn làm đầu mỗi phối hợp với Khối RM và Khối FA đánh giá danh mục đầu tư và đề xuất cắt giảm các khoản đầu tư thua lỗ. Đồng thời, Phòng Chi tiêu nội bộ - Khối FA làm đầu mỗi phối hợp với Khối Quản trị nguồn nhân lực, các Khối/Chi nhánh/Đơn vị kinh doanh rà soát chi phí không cần thiết, cắt giảm các chi phí công vụ, chi tài sản, mạng lưới.

(ii) Trong trung hạn (6-12 tháng)

Tăng cường nâng cao chất lượng danh mục tín dụng của TPBank

- Khối CM làm đầu mỗi phối hợp với Khối RM và các chi nhánh/đơn vị kinh doanh kiểm tra, giám sát mục đích sử dụng vốn vay, định giá giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng. Từ đó, đánh giá thực tế về khả năng trả nợ của khách hàng và đưa ra các phương án xử lý phù hợp như cơ cấu nợ, xử lý nợ thông qua xử lý tài sản bảo đảm, đồng thời tăng cường trích lập dự phòng.
- Bên cạnh đó, Khối RM đề xuất định hướng cho vay như giảm cho vay các lĩnh vực rủi ro, gia tăng cho vay tại các lĩnh vực triển vọng. Từ đó, Khối KHCN, Khối Ngân hàng doanh nghiệp, Khối Đầu tư và KHDN lớn đưa ra các sản phẩm cạnh tranh thu hút khách hàng.

Tăng vốn điều lệ, điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần

- TPBank xây dựng các phương án tăng vốn linh hoạt và điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần như sau:
- Tăng vốn điều lệ thông qua các hình thức:
 - + Căn cứ vào điều kiện thị trường, huy động nguồn vốn từ các cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư mới với việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.
 - + Tạm dừng hoặc hạn chế trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi cho tới khi năng lực tài chính được cải thiện và đảm bảo an toàn hoạt động.
 - + Hạn chế hoặc tạm hoãn việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong giai đoạn thực hiện phương án khắc phục nhằm giữ lại nguồn phục vụ tăng cường năng lực tài chính.
 - + Đẩy mạnh xúc tiến phát hành trái phiếu tăng Vốn cấp 2 để bổ sung nguồn lực tài chính.
- Điều chỉnh cơ cấu sở hữu cổ phần:
 - + Giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nếu vượt mức quy định tại Điều 63 Luật Các TCTD 2024.



- + Trường hợp cổ đông không thực hiện theo quy định, TPBank sẽ áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để đảm bảo tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần.

Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh vốn và đầu tư: nâng cao hoạt động quản lý và đầu tư giấy tờ có giá phục vụ thanh khoản, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Cải thiện hoạt động kinh doanh:
 - + Rà soát cơ cấu chi phí, tiết giảm tối đa chi phí không cần thiết và tinh giản bộ máy, cắt giảm chi phí nhân viên.
 - + Đánh giá các kênh kinh doanh của TPBank để xác định các hoạt động kinh doanh không đem lại hiệu quả/thua lỗ/rủi ro cao để quyết định tinh giản, dừng triển khai hoặc chuyển hướng và ưu tiên nguồn vốn cho các phân khúc có lợi nhuận cao.
 - + Tối ưu hóa mô hình kinh doanh, đẩy mạnh chuyển đổi số và tự động hóa để giảm chi phí vận hành, kiểm soát chi phí, tối ưu quy trình nghiệp vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- TPBank định hướng dịch chuyển và đa dạng thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập nhằm giảm lệ thuộc thu nhập từ hoạt động tín dụng thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, xây dựng sản phẩm dịch vụ và gói sản phẩm dịch vụ cho từng phân khúc khách hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh thu hồi nợ ngoại bảng, nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm giúp gia tăng thu nhập.

(iii) Trong dài hạn (1-5 năm)

- Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro và quản trị tài chính: thông qua việc tuân thủ các quy định của NHNN và áp dụng các chuẩn mực, thông lệ về quản trị rủi ro, quản trị tài chính quốc tế.
- Tái định vị chiến lược: Căn cứ trên tình hình thực tế, TPBank xây dựng kế hoạch tái cấu trúc trong 5 năm với các chiến lược kinh doanh phù hợp.
- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ: Cùng với định hướng của NHNN và xu thế phát triển của thế giới và thị trường, TPBank đẩy mạnh công cuộc số hóa, áp dụng công nghệ giúp tăng cường tính cạnh tranh và tối ưu chi phí cho Ngân hàng.

b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thông đốc NHNN

▪ Nguyên nhân giả định:

Trong tình huống nền kinh tế suy thoái khiến hoạt động của ngân hàng gặp nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh suy giảm ảnh hưởng nghiêm trọng tới điểm các chỉ tiêu định lượng và định tính được sử dụng trong Bộ tiêu chí xếp hạng ngân

hàng theo quy định tại Thông tư 21/2025/TT-NHNN khiến Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5 dẫn đến việc TPBank xếp hạng D hoặc E.

▪ **Giải pháp và lộ trình thực hiện:**

TPBank sẽ thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện các tiêu chí xếp hạng theo mô hình CAMELS:

(i) **Vốn (C – Capital Adequacy):**

TPBank đã đăng ký áp dụng tính Tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN kể từ tháng 9 năm 2025. TPBank có chiến lược luôn đảm bảo duy trì Tỷ lệ an toàn vốn ở ngưỡng điểm định lượng tuyệt đối (5 điểm), tương ứng với Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ tối thiểu 11%, Tỷ lệ an toàn Vốn cấp 1 riêng lẻ tối thiểu 8,5%, thông qua việc thực hiện chặt chẽ công tác đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP).

Trong trường hợp Tỷ lệ an toàn vốn bị suy giảm, TPBank sẽ áp dụng biện pháp tương tự các biện pháp đã bao gồm cả các lộ trình và quy trình thực hiện đã được trình bày ở Điểm d **"Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời gian 06 tháng liên tục"** Khoản 3 Điều này.

(ii) **Chất lượng tài sản (A – Asset Quality):**

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, TPBank duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,97% phản ánh nỗ lực kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng. Trong bối cảnh môi trường kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính – tiền tệ còn tiềm ẩn nhiều biến động, TPBank xác định kiểm soát chất lượng tài sản có, đặc biệt là danh mục tín dụng, cùng với việc chủ động xử lý và giảm thiểu nợ xấu là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược và xuyên suốt trong hoạt động quản trị điều hành của toàn hệ thống.

Định hướng này phù hợp với mục tiêu duy trì Tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, đồng thời đảm bảo sự an toàn, bền vững trong hoạt động ngân hàng theo chuẩn mực quản trị rủi ro tiệm cận các thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đó, TPBank không chỉ tập trung vào việc xử lý các khoản nợ xấu hiện hữu mà còn chú trọng phòng ngừa rủi ro tín dụng từ sớm, nâng cao năng lực thẩm định, giám sát và cảnh báo nhằm hạn chế phát sinh nợ xấu mới.

Nguyên nhân giả định chi tiết:

Giả định trong kịch bản xấu, nền kinh tế gặp khủng hoảng, đứt gãy chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp, cá nhân suy giảm khả năng trả nợ, tỷ lệ nợ xấu sẽ tăng từ mức <1% như hiện nay lên mức > 3%, theo đó, TPBank cần đồng loạt triển khai các giải pháp quản trị và kiểm soát rủi ro nhằm củng cố nền tảng tài chính, nâng cao chất lượng tài sản và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Một số nhóm nhiệm vụ trọng tâm trong ngắn hạn và trung dài hạn bao gồm:



Giải pháp và lộ trình thực hiện:

Lộ trình ngắn và trung hạn (Dưới 12 tháng)

TPBank xác định công tác thu hồi nợ là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt trong bối cảnh thị trường diễn biến khó khăn, đồng thời chủ động kích hoạt các phương án ứng phó trong tình huống khẩn cấp. Theo đó, các đơn vị gồm Khối RM, Khối kinh doanh, Khối CM, Khối LC và Khối CR thực hiện rà soát, phân loại và khoanh vùng các danh mục có mức độ rủi ro gia tăng, làm cơ sở xây dựng các phương án xử lý phù hợp theo từng nhóm khách hàng:

- Đối với nhóm khách hàng được đánh giá còn khả năng phục hồi, Ngân hàng chủ động triển khai các giải pháp cơ cấu lại nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo phương án điều chỉnh.
- Đối với nhóm khách hàng không còn khả năng phục hồi, Ngân hàng tập trung triển khai các biện pháp thu hồi nợ thông qua xử lý tài sản bảo đảm, thanh lý tài sản để thu hồi tối đa dư nợ. Khối CM phối hợp chặt chẽ với ĐVKD, Khối Kinh doanh để đảm bảo các phương án thu hồi nợ được triển khai nhanh, quyết liệt trong thời gian ngắn với và tổn ít nguồn lực nhất. Các giải pháp được thiết kế và triển khai đồng bộ theo từng phân khúc khách hàng nhằm tối ưu hiệu quả xử lý nợ, đồng thời hạn chế thấp nhất rủi ro tổn thất vốn.
- Đối với các khách hàng chưa ghi nhận dấu hiệu suy giảm khả năng trả nợ, các đơn vị kinh doanh tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sau vay, chủ động theo dõi và cập nhật tình hình hoạt động của khách hàng nhằm kịp thời nhận diện và kiểm soát rủi ro phát sinh.
- Song song với việc đẩy mạnh thu hồi nợ, hoạt động cấp tín dụng mới được kiểm soát chặt chẽ theo định hướng thận trọng. Các điều kiện cấp tín dụng được rà soát, điều chỉnh phù hợp với bối cảnh thị trường tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi, qua đó đảm bảo an toàn hoạt động và nâng cao chất lượng danh mục tín dụng trong điều kiện khả năng trả nợ của khách hàng có xu hướng suy giảm.

Lộ trình trung và dài hạn (12 tháng – 48 tháng):

TPBank sẽ tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tài sản, đảm bảo cấp tín dụng an toàn, hiệu quả:

- **Rà soát và điều chỉnh định hướng tín dụng theo hướng thận trọng và bền vững.**

Khối RM, Khối CR, Khối kinh doanh, Khối CM và ĐVKD tiến hành đánh giá lại toàn diện danh mục tín dụng hiện hữu, đặc biệt đối với các lĩnh vực, ngành nghề có mức độ rủi ro cao hoặc chịu tác động mạnh từ biến động kinh tế vĩ mô. Trên cơ sở đó, ngân hàng sẽ điều chỉnh chiến lược tăng trưởng tín dụng theo hướng ưu tiên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh hiệu

quả, có dòng tiền ổn định, đồng thời hạn chế mở rộng tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao. Nâng cao năng lực phân tích dữ liệu, phát triển mô hình chấm điểm tín dụng khách hàng để hỗ trợ việc ra quyết định, lựa chọn khách hàng có mức độ rủi ro thấp. Song song với đó, các sản phẩm tín dụng và chính sách cấp tín dụng sẽ được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với khẩu vị rủi ro của ngân hàng và bối cảnh thị trường mới, bảo đảm nguyên tắc tăng trưởng đi đôi với kiểm soát rủi ro.

Việc rà soát lại các hạn mức tín dụng theo sản phẩm, ngành nghề, lĩnh vực, TSBD... cũng sẽ liên tục được các Khối CR, Khối kinh doanh, Khối CM, Khối RM và ĐVKD thực hiện để đảm bảo giảm thiểu rủi ro tập trung vào các ngành nghề, lĩnh vực rủi ro cao.

- **Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sau cho vay và nâng cao năng lực cảnh báo sớm rủi ro.**

TPBank sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống giám sát tín dụng sau giải ngân, bao gồm việc theo dõi tình hình sử dụng vốn vay, biến động tài chính của khách hàng và tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm. Việc kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất sẽ được thực hiện đối với các khoản vay có dấu hiệu rủi ro hoặc các khách hàng thuộc danh mục cần giám sát đặc biệt. Bên cạnh đó, ngân hàng sẽ đẩy mạnh ứng dụng và nâng cấp các mô hình xếp hạng khách hàng như B-score, hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System) nhằm nhận diện kịp thời các dấu hiệu suy giảm khả năng trả nợ của khách hàng, từ đó có biện pháp xử lý phù hợp như tái cấu trúc khoản vay, điều chỉnh điều kiện tín dụng hoặc tăng cường kiểm soát dòng tiền. Việc nâng cao năng lực nhận diện và quản trị rủi ro từ sớm sẽ góp phần hạn chế việc chuyển nhóm nợ và giảm thiểu khả năng phát sinh nợ xấu mới.

Với danh mục tín dụng hiện hữu, TPBank sẽ tăng cường thực hiện các bài kiểm tra sức chịu đựng (stress testing) theo từng danh mục và phân khúc khách hàng nhằm đánh giá mức độ nhạy cảm của danh mục tín dụng trước các kịch bản kinh tế bất lợi như suy giảm tăng trưởng, biến động lãi suất, tỷ giá hoặc giảm giá trị TSBD. Thông qua đó, ngân hàng đánh giá khả năng đáp ứng về vốn, mức độ suy giảm chất lượng tín dụng và tác động đến các chỉ tiêu an toàn hoạt động. Kết quả stress testing là cơ sở để TPBank chủ động điều chỉnh chiến lược tín dụng, cơ cấu lại danh mục cho vay và tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro, qua đó đảm bảo duy trì sự ổn định và an toàn trong hoạt động ngân hàng.

- **Xây dựng và triển khai chiến lược thu hồi nợ hiệu quả, đồng thời tăng cường xử lý tài sản bảo đảm.**

TPBank sẽ tiến hành rà soát, đánh giá lại toàn bộ danh mục các khoản nợ quá hạn và nợ xấu nhằm xây dựng kế hoạch xử lý nợ chi tiết theo từng nhóm khách hàng và từng khoản vay. Trên cơ sở đó, ngân hàng sẽ áp dụng linh hoạt các biện pháp như cơ cấu nợ, thu hồi nợ chủ động, chuyển

giao nợ cho các tổ chức xử lý nợ hoặc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

Đối với các khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm, TPBank sẽ tăng cường các biện pháp pháp lý và nghiệp vụ để đẩy nhanh tiến độ xử lý tài sản, bao gồm việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý, phối hợp với các cơ quan chức năng và tổ chức đấu giá để thu hồi tối đa giá trị tài sản. Ngân hàng cũng sẽ tập trung nguồn lực chuyên trách cho công tác xử lý nợ, đảm bảo quá trình thu hồi được thực hiện hiệu quả và minh bạch, qua đó giảm thiểu tối đa nguy cơ thất thoát vốn.

- **Thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo quy định của pháp luật.**

TPBank cam kết tuân thủ nghiêm túc các quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng, đảm bảo phản ánh trung thực và đầy đủ chất lượng tài sản trong báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng đầy đủ không chỉ giúp ngân hàng chủ động nguồn lực tài chính để xử lý rủi ro phát sinh mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch và khả năng chống chịu của ngân hàng trước các biến động bất lợi của thị trường.

- **Khắc phục kịp thời các vi phạm pháp luật và tăng cường cơ chế kiểm soát tuân thủ.**

Trong trường hợp phát sinh các sai phạm liên quan đến hoạt động tín dụng hoặc quản trị rủi ro, TPBank sẽ nhanh chóng tiến hành rà soát nguyên nhân, xác định trách nhiệm và triển khai các biện pháp khắc phục cần thiết theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý. Đồng thời, ngân hàng sẽ tăng cường công tác truyền thông nội bộ, đào tạo và phổ biến quy định pháp luật cũng như quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao nhận thức tuân thủ của cán bộ nhân viên, hạn chế tối đa khả năng tái diễn các sai phạm tương tự trong tương lai.

(iii) Quản trị điều hành (M – Management Quality)

TPBank tập trung vào việc nâng cao năng lực quản trị và điều hành trong lộ trình ngắn, trung và dài hạn, thông qua các giải pháp trọng tâm sau:

- Công tác quản trị rủi ro thực hiện theo đúng các quy định của ngân hàng, pháp luật và của NHNN. Rà soát Khung Quản lý rủi ro của TPBank để đảm bảo:
 - + Nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát tất cả các rủi ro trọng yếu trên toàn hệ thống;
 - + Đủ linh hoạt để có thể kịp thời ứng phó với sự thay đổi trong trạng thái rủi ro trong nội bộ ngân hàng và môi trường bên ngoài;



- + Kết hợp chặt chẽ với việc giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và TPBank, hoạt động kiểm toán nội bộ trong hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Tổ chức lại bộ máy quản trị điều hành, đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng và thông lệ tiên tiến, đảm bảo cơ chế quản trị hợp lý, minh bạch và hiệu quả.

(iv) Kết quả hoạt động kinh doanh (E – Earnings)

Các giải pháp trong lộ trình thực hiện ngắn và trung hạn: TPBank tập trung đẩy mạnh quản trị hiệu quả hoạt động kinh doanh với sự tham gia của toàn bộ các cá nhân/đơn vị trên toàn hệ thống nhằm đảm bảo an toàn và phát triển bền vững thông qua các giải pháp như: số hóa mạnh mẽ và duy trì cơ cấu vốn hợp lý nhằm tối ưu chi phí vốn, tạo nền tảng hạ lãi suất cho vay; cơ cấu bộ máy hiệu quả nhằm tối ưu chi phí hoạt động; quản trị chặt chẽ chất lượng tín dụng và định hướng tín dụng vào các lĩnh vực xanh, lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo an sinh xã hội...

(v) Khả năng thanh khoản (L – Liquidity)

TPBank luôn tuân thủ chặt chẽ quy định của NHNN và tiên phong áp dụng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro thanh khoản tiên tiến nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản, định hướng luôn duy trì điểm thanh khoản theo Thông tư số 21/2025/TT-NHNN ở mức cao. Ngân hàng đẩy mạnh việc triển khai ILAAP (Internal Liquidity Adequacy Assessment Process) theo tiêu chuẩn ECB & tính toán các chỉ tiêu thanh khoản theo Basel III (LCR, NSFR), cũng như công tác kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản. Đồng thời Ngân hàng chú trọng duy trì cơ cấu vốn hợp lý, quy mô đệm thanh khoản đảm bảo cho hoạt động cả trong điều kiện bình thường và căng thẳng về thanh khoản.

(vi) Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường (S – Sensitivity to Market Risk)

TPBank tập trung quản lý chặt chẽ rủi ro thị trường, duy trì điểm xếp hạng tiêu chí này ở mức tốt, thông qua việc duy trì Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu ở mức hợp lý, duy trì trạng thái rủi ro thị trường ở mức an toàn.

c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục

▪ **Nguyên nhân giả định**

Giả định nguyên nhân xuất phát từ nội bộ TPBank (tin đồn thất thiệt dẫn đến sự cổ rút tiền hàng loạt, tài sản thanh khoản cao bị sụt giảm nghiêm trọng...), xuất phát từ hệ thống (có cú sốc kinh tế vĩ mô, gián đoạn thị trường tài chính...) hoặc kịch bản hỗn hợp (giả định xảy ra khủng hoảng đặc thù của một ngân hàng lây lan ra toàn hệ thống ngân hàng).

▪ **Giải pháp và lộ trình thực hiện**



Vi phạm khả năng chi trả được TPBank phân cấp là cấp độ rủi ro thanh khoản cao nhất theo văn bản nội bộ do HĐQT ban hành (Cấp độ 4: TPBank có Rủi ro thanh khoản ở mức độ nghiêm trọng). Việc vi phạm khả năng chi trả cũng được coi là vi phạm khẩu vị rủi ro và cần báo cáo lên HĐQT theo quy định nội bộ. Các quy định này đã được thiết kế chặt chẽ, đảm bảo hướng dẫn rõ ràng các giải pháp cần thực hiện khi có rủi ro thanh khoản. Các giải pháp khắc phục được quy định như sau:

- Đơn vị tuân thủ hạn mức (Khối FA) và Đơn vị kiểm soát hạn mức (Khối RM) phối hợp lập báo cáo khắc phục vi phạm hạn mức để gửi cho NHNN. Đơn vị kiểm soát hạn mức thông báo tới Khối FM về việc TPBank vi phạm các tỷ lệ đảm bảo an toàn.
- Khối RM báo cáo tình hình tới Chủ tịch HĐQT và/hoặc UB QLRR theo phân cấp thẩm quyền của TPBank từng thời kỳ. Chủ tịch HĐQT/UB QLRR/Cấp có thẩm quyền yêu tiến hành họp gấp, quyết định việc thành lập Ban chuyên trách xử lý khủng hoảng thanh khoản hoặc Ban chỉ đạo ngăn ngừa và xử lý sự cố, Ban điều hành tác nghiệp ngăn ngừa về xử lý sự cố theo quy định nội bộ của TPBank, trong đó mô tả, phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong việc chỉ đạo, hướng dẫn và ứng phó trong trường hợp khủng hoảng thanh khoản xảy ra. Cụ thể như sau:
- Khối RM phối hợp với Khối FM, Khối FA và các đơn vị liên quan xác định mức thiếu hụt thanh khoản dự kiến của nội tệ, ngoại tệ (bao gồm cả vàng) của từng ngày trong khoảng thời gian tối thiểu 1 tháng tới.
- Cấp có thẩm quyền chỉ đạo hạn chế/tạm dừng giải ngân, tích cực thu hồi nợ đến hạn thanh toán và nợ quá hạn.
- Trên cơ sở định hướng và giám sát của Ủy ban SALCO, Ban Điều hành (hoặc cấp có thẩm quyền theo phân cấp) xem xét, quyết định việc điều chỉnh chính sách lãi suất huy động phù hợp với diễn biến thị trường và nhu cầu thanh khoản, nhằm duy trì ổn định nguồn tiền gửi hiện có, trong đó chú trọng quản lý các khoản tiền gửi có giá trị lớn, đồng thời tăng cường huy động nguồn vốn mới.
- Khối FM chủ động đàm phán với các TCTD khác để xin gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của các khoản nhận tiền gửi, đi vay...liên ngân hàng. Đồng thời, Khối FM chuẩn bị các phương án để huy động vốn dưới các hình thức sau:
 - + Giao dịch đi vay có tài sản bảo đảm, bán và mua lại có kỳ hạn giấy tờ có giá trên thị trường liên ngân hàng;
 - + Giao dịch nghiệp vụ thị trường mở với NHNN;
- Khối FA đầu mối phối hợp với các đơn vị chuẩn bị các Tài sản có tính thanh khoản cao bao gồm giấy tờ có giá, hồ sơ tín dụng ...
- Cấp có thẩm quyền chỉ đạo đơn vị liên quan thực hiện nghiệp vụ tái cấp vốn với NHNN.



- Trường hợp TPBank đã triển khai các biện pháp nêu trên nhưng các chỉ tiêu thanh khoản chưa đạt mục tiêu đề ra, Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp khác phù hợp quy định pháp luật & TPBank nhằm đảm bảo an toàn hoạt động.

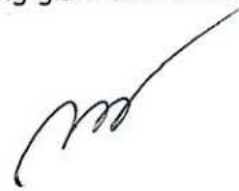
d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời gian 06 tháng liên tục

Tỷ lệ an toàn vốn (Capital Adequacy Ratio - CAR) là chỉ số cốt lõi đo lường khả năng hấp thụ tổn thất của ngân hàng, đảm bảo ổn định hệ thống tài chính. Theo khung Basel III, và các Thông tư của NHNN Việt Nam quy định CAR tối thiểu là 8%, với các bộ đệm vốn bổ sung để nhằm tăng cường khả năng chống chịu với các cú sốc kinh tế vĩ mô và khủng hoảng hệ thống. Trường hợp vi phạm CAR trong thời gian dài, đặc biệt 06 tháng liên tục, có thể dẫn đến rủi ro hệ thống. Do đó TPBank chủ động xây dựng và liên tục hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro tiên tiến, tuân thủ nghiêm ngặt quy định của NHNN, đồng thời triển khai biện pháp can thiệp sớm nhằm phát hiện, cảnh báo và khắc phục kịp thời, từ đó giảm thiểu chi phí khắc phục và bảo vệ lợi ích của cổ đông, người gửi tiền cũng như sự ổn định của toàn hệ thống.

Trong đó, TPBank thực thi đầy đủ theo ba trụ cột cốt lõi của Basel III, tạo nền tảng vững chắc cho quản trị vốn bền vững:

- Trụ cột 1 – Yêu cầu vốn tối thiểu: TPBank duy trì nghiêm ngặt các mức vốn tối thiểu: vốn lõi cấp 1 (CET1) ít nhất 4,5%, vốn cấp 1 (Tier 1) tối thiểu 6% và CAR tổng hợp tối thiểu 8%. Đồng thời, ngân hàng phải duy trì các bộ đệm vốn bổ sung theo lộ trình: Bộ đệm bảo toàn vốn (Capital Conservation Buffer – CCB) 2,5% nhằm hạn chế phân phối lợi nhuận khi vốn giảm; Bộ đệm vốn phản chu kỳ (Countercyclical Capital Buffer – CCyB) trong khoảng 0-2,5% để đối phó với chu kỳ kinh tế; Basel III quy định các biện pháp can thiệp tự động như hạn chế hoặc cấm chi trả cổ tức, thưởng cho ban điều hành, mua lại cổ phiếu, nhằm buộc ngân hàng ưu tiên bảo toàn vốn thay vì phân phối lợi nhuận. TPBank đã tích hợp cơ chế này vào chính sách phân phối lợi nhuận nội bộ, đảm bảo mọi quyết định phân phối đều phải tuân thủ các ngưỡng vốn đã điều chỉnh theo bộ đệm.
- Trụ cột 2 – Quy trình giám sát: nhấn mạnh can thiệp sớm qua đánh giá mức đủ vốn nội bộ (ICAAP), TPBank thực hiện ICAAP hằng năm, kết hợp thực hiện kiểm tra sức chịu đựng đa kịch bản (bao gồm kịch bản về chất lượng tín dụng, rủi ro tín dụng tập trung, biến động lãi suất, tỷ giá, giá vàng để dự báo các kịch bản thiếu hụt vốn. Trong trường hợp phát hiện các kịch bản rủi ro dẫn đến thiếu hụt vốn, ngân hàng sẽ lập kế hoạch bổ sung vốn hoặc điều chỉnh chiến lược trước khi NHNN yêu cầu. Đồng thời áp dụng các biện pháp khắc phục sớm như giới hạn tăng trưởng tín dụng hoặc yêu cầu tái cơ cấu danh mục tài sản. TPBank xây dựng các kế hoạch chi tiết, đảm bảo có thể triển khai ngay khi CAR vi phạm liên tục.
- Trụ cột 3 – Kỷ luật thị trường: TPBank luôn ưu tiên công bố thông tin minh bạch, chính xác, kịp thời với yêu cầu theo mẫu chuẩn Basel và theo mẫu Thông tư 14/2025/TT-NHNN) giúp thị trường giám sát và thúc đẩy ngân hàng duy trì tuân thủ CAR.

Nguyên nhân giả định:



- Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô diễn biến bất lợi tác động đến hoạt động của Ngân hàng, gồm:
 - Suy giảm chất lượng tín dụng của Ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn gia tăng làm tăng trích lập dự phòng dẫn đến lợi nhuận giảm và tác động trực tiếp làm giảm Vốn tự có.
 - Giá bất động sản suy giảm làm hệ số rủi ro tăng dẫn đến Tài sản có rủi ro (RWA) tín dụng tăng.
 - Lạm phát gia tăng kéo theo xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, mặt bằng lãi suất thị trường tăng cao rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB) gia tăng làm suy giảm giá trị kinh tế của vốn, làm gia tăng yêu cầu vốn đối với các khoản mục nhạy cảm với lãi suất.
- Theo nguyên nhân trên, Ngân hàng đồng thời chịu tác động kép khi vốn tự có suy giảm trong khi tổng RWA gia tăng, dẫn đến CAR bị giảm. TPBank đã xây dựng kịch bản căng thẳng đầy đủ cho các yếu tố rủi ro gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, lãi suất, tỷ giá, giá vàng để đánh giá tác động đến CAR và Vốn tự có của Ngân hàng, đồng thời xác định ngưỡng giới hạn tối đa suy giảm Vốn tự có, Vốn cấp 1, Vốn lõi cấp 1 và tổng tài sản có rủi ro tác động làm vi phạm CAR và tỷ lệ Vốn cấp 1, Vốn lõi cấp 1, chi tiết như bảng dưới đây:

Đơn vị: %, tỷ đồng

STT	Khoản mục theo Tỷ lệ an toàn vốn Riêng lẻ	Dec 2025	Jan 2026	Feb 2026	Yêu cầu tối thiểu theo TT14	Giới hạn biến động vi phạm yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
1	Vốn						
1.1	Vốn tự có	49,066	49,765	50,154		11,920	Ngưỡng vốn tự có suy giảm làm vi phạm ngưỡng CAR
1.2	Vốn cấp 1 (Tier1)	37,758	38,435	38,904		8,936	Ngưỡng vốn cấp 1 suy giảm làm vi phạm ngưỡng tỷ lệ Vốn cấp 1 yêu cầu
1.3	Vốn lõi cấp 1 (CET1)	37,758	38,435	38,904		15,137	Ngưỡng vốn lõi cấp 1 suy giảm làm vi phạm ngưỡng tỷ lệ Vốn lõi cấp 1 yêu cầu
2	Tổng tài sản có rủi ro	382,984	409,015	413,344		128,864	Ngưỡng RWA tối đa tăng làm vi phạm ngưỡng CAR
2.1	RWA_CR	354,936	378,759	383,458			

STT	Khoản mục theo Tỷ lệ an toàn vốn Riêng lẻ	Dec 2025	Jan 2026	Feb 2026	Yêu cầu tối thiểu theo TT14	Giới hạn biên động vi phạm yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
2.2	RWA_CCR	944	1,058	1,108			
2.3	Vốn yêu cầu cho MR	346	514	480			
2.4	Vốn yêu cầu cho OR	1,822	1,822	1,822			
3	Các tỷ lệ vốn						
3.1	CAR	12.81%	12.17%	12.13%	9.25%	2.88%	Ngưỡng CAR giảm vi phạm CAR
3.2	Tỷ lệ Vốn cấp 1 (Tier 1)	9.86%	9.40%	9.41%	7.25%	2.16%	Ngưỡng tỷ lệ Vốn cấp 1 giảm vi phạm tỷ lệ Vốn cấp 1
3.3	Tỷ lệ Vốn lõi cấp 1 (CET1)	9.86%	9.40%	9.41%	5.75%	3.66%	Ngưỡng tỷ lệ Vốn lõi cấp 1 giảm vi phạm tỷ lệ Vốn lõi cấp 1

Giải pháp và lộ trình thực hiện:

Trong tình huống giả định trên, TPBank thực hiện phương án gồm đồng bộ các giải pháp nhằm khắc phục sớm tình trạng suy giảm CAR và đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN.

Phương án khắc phục tổng thể:

Ngân hàng tập trung kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng tín dụng, ưu tiên phân bổ vào các phân khúc có hệ số rủi ro thấp, đồng thời tăng cường công tác quản trị rủi ro tín dụng, đẩy mạnh thu hồi nợ và xử lý nợ xấu nhằm cải thiện chất lượng tài sản. Theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tăng cường năng lực quản trị vốn theo chuẩn Basel II/III, đồng thời triển khai các biện pháp cần thiết để đảm bảo CAR được cải thiện và duy trì ổn định trên mức quy định của NHNN.

- Về phía nguồn vốn, Ngân hàng xây dựng kế hoạch tăng vốn tự có thông qua giữ lại lợi nhuận, phát hành vốn cấp 1 và/hoặc vốn cấp 2 phù hợp với điều kiện thị trường. Kế hoạch vốn để duy trì Tỷ lệ an toàn vốn: TPBank triển khai các biện pháp/kế hoạch phân bổ vốn cho các khối kinh doanh quản lý và sử dụng vốn hiệu quả; cấu trúc danh mục tài sản tối ưu cho Ngân hàng nhằm định hướng kinh doanh vào lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp; phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ và bù đắp rủi ro của khách hàng mà vẫn cạnh tranh với thị trường.
- Việc triển khai các giải pháp cụ thể có sự phối hợp của các đơn vị toàn hàng, trong đó Phòng Mô hình và rủi ro tích hợp thuộc Khối RM làm đầu mối phối

hợp với các phòng ban thuộc Khối FA, các phòng nghiệp vụ Khối RM gồm: Phòng Quản trị rủi ro tín dụng, Trung tâm FRM và các phòng ban Khối Công nghệ thông tin và phối hợp với các Khối kinh doanh dưới sự chỉ đạo của TGD và giám sát của HĐQT, nhằm duy trì hoạt động, thực thi tính toán, kiểm soát và áp dụng các biện pháp linh hoạt theo từng giai đoạn đảm bảo tuân thủ ngưỡng yêu cầu Ngân hàng nhà nước.

- Phòng Mô hình và rủi ro tích hợp làm đầu mối báo cáo Hội đồng quản lý vốn và thanh khoản, Hội đồng rủi ro tham mưu cho TGD để TGD ra quyết định hoặc TGD báo cáo HĐQT quyết định theo thẩm quyền việc áp dụng các biện pháp tăng CAR, đồng thời gửi báo cáo cho UB SALCO, UB QLRR và các ủy ban khác (nếu liên quan) để thực hiện nhiệm vụ giám sát của Ủy ban và tham mưu cho HĐQT quyết định thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Phương án khắc phục và lộ trình thực hiện chi tiết: được chia thành hai nhóm giải pháp chính, tập trung đồng thời vào việc tăng vốn tự có và giảm RWA nhằm đưa CAR trở lại mức an toàn trong thời gian ngắn nhất cụ thể như sau:

- **Giải pháp ngắn hạn (< 12 tháng):** với mục tiêu khắc phục nhanh vi phạm CAR, cải thiện trong 6–12 tháng

Nhóm 1: Tăng cường Vốn tự có (Tier 1 & Tier 2)

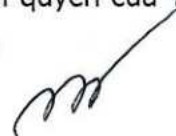
- Tăng cường giám sát và cảnh báo sớm: Thiết lập cơ chế theo dõi mức đủ vốn, cảnh báo sớm Vốn tự có và RWA để kịp thời triển khai biện pháp xử lý.
- Tăng vốn cấp 1 từ nguồn nội bộ:
 - + Giữ lại 100% lợi nhuận sau thuế trong giai đoạn khắc phục;
 - + Sử dụng thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự trữ.
- Phát hành công cụ vốn cấp 1:
 - + Phát hành cổ phiếu (cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược, hoặc ra công chúng)
 - + Phát hành trái phiếu chuyển đổi đủ điều kiện ghi nhận vào Vốn cấp 1, trái phiếu chuyển đổi trước đó có thể chuyển đổi thành cổ phiếu để bổ sung Vốn cấp 1, với cơ chế chuyển đổi tự động khi CAR rơi xuống ngưỡng kích hoạt giúp bổ sung vốn mà không làm tăng RWA.
- Tăng vốn cấp 2: Thông qua phát hành trái phiếu thứ cấp, trái phiếu dài hạn đáp ứng điều kiện tính vào Vốn cấp 2 theo quy định của NHNN. Ngân hàng chủ động kiểm soát đánh giá mức độ đủ vốn và lập kế hoạch tăng vốn cấp 2 theo từng giai đoạn.
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh:
 - + Tăng thu nhập từ phí dịch vụ và kiểm soát chất lượng tín dụng
 - + Kiểm soát, cắt giảm chi phí hoạt động để tăng lợi nhuận giữ lại giúp tăng Vốn cấp 1

Nhóm 2: Kiểm soát và giảm RWA

- Tăng tỷ trọng tài sản rủi ro thấp (triển khai nhanh trong ~3 tháng):
 - + Tăng cường đầu tư, nắm giữ TPCP, tiền gửi NHNN, tài sản có tính thanh khoản cao có hệ số rủi ro thấp đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng.
 - + Mục tiêu tăng tỷ trọng tài sản an toàn thêm 10–15% trong danh mục trong vòng 03 tháng. Điều này không chỉ giúp giảm RWA mà còn giúp tăng thanh khoản trong điều kiện CAR vi phạm.
- Cơ cấu lại danh mục tài sản:
 - + Giảm tài sản rủi ro cao: Cơ cấu lại danh mục tài sản, chuyển dần từ tài sản có hệ số rủi ro cao như cho vay BĐS không đủ tiêu chuẩn...sang danh mục tài sản có hệ số rủi ro thấp hơn nhằm tối ưu hóa vốn.
 - + Tăng tài sản rủi ro thấp: ưu tiên khai thác các nhóm đối tượng khách hàng có hệ số rủi ro thấp, lựa chọn khách hàng có khả năng tài chính tốt, xếp hạng tín dụng tốt, thông tin tài chính minh bạch (có Báo cáo tài chính thuế, kiểm toán) để giảm hệ số rủi ro.
- Kiểm soát chất lượng tín dụng:
 - + Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng: tăng tỷ lệ Tài sản đảm bảo/giá trị khoản vay (LTV) (ưu tiên $LTV \leq 70\%$) cho các khoản vay mới giúp giảm hệ số rủi ro. Áp dụng hạn mức tín dụng nghiêm ngặt hơn cho nhóm rủi ro cao hơn.
 - + Siết hạn mức tín dụng với nhóm rủi ro cao.
- Tăng cường biện pháp giảm thiểu rủi ro: Tăng cường biện pháp giảm thiểu rủi ro bằng tài sản bảo đảm, bù trừ số dư nội bảng, bảo lãnh từ bên thứ ba có xếp hạng tín dụng cao để giảm thiểu rủi ro.
- **Giải pháp dài hạn (> 12 tháng):** với mục tiêu nâng cao năng lực vốn và quản trị rủi ro bền vững

Nhóm 1: Phát triển nền tảng vốn bền vững

- Xây dựng chiến lược tăng vốn dài hạn:
 - + Chủ động kế hoạch phát hành vốn phù hợp với tăng trưởng: Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo quy định của pháp luật. Phát hành Vốn Cấp 1 ((CET1 và Additional Tier 1: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược hoặc chào bán ra công chúng nhằm thu hút vốn mới từ bên ngoài để tăng Vốn cấp 1.
 - + Việc tăng vốn đảm bảo tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 63 của Luật Các TCTD. Đồng thời, các phương án tăng vốn nếu phát sinh ngoài kế hoạch sẽ căn cứ vào thực tế tình hình hoạt động của TPBank và phải được Cấp có thẩm quyền của TPBank phê duyệt và trình NHNN chấp thuận theo quy định.



- Cải thiện hiệu quả kinh doanh bền vững:
 - + Tăng tỷ trọng thu nhập ngoài lãi: Tăng tỷ trọng thu nhập ngoài lãi thông qua việc đa dạng hóa nguồn thu từ phí dịch vụ, thanh toán, quản lý tài sản và ngân hàng số, giảm phụ thuộc vào thu nhập lãi truyền thống.
 - + Tối ưu chi phí hoạt động dài hạn: Tối ưu chi phí hoạt động dài hạn bằng cách đẩy mạnh chuyển đổi số, tự động hóa quy trình và tinh gọn bộ máy vận hành nhằm nâng cao năng suất lao động. Rà soát, kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý, chi phí vận hành và tối ưu hóa chi phí vốn.
- Quản trị vốn chủ động:
 - + Tích hợp ICAAP, stress test vào quản trị vốn: Thực hiện stress testing định kỳ theo các kịch bản vĩ mô và thị trường để lượng hóa tác động đến CAR và nhu cầu vốn. Kết quả được tích hợp vào quá trình lập kế hoạch vốn, hạn mức rủi ro và ra quyết định kinh doanh.
 - + Chủ động xây dựng buffer vốn: Thiết lập ngưỡng cảnh báo nội bộ cao hơn mức quy định để chủ động kích hoạt các biện pháp bổ sung vốn khi cần thiết.

Nhóm 2: Nâng cao năng lực quản trị RWA

- Triển khai phương pháp xếp hạng nội bộ IRB (FIRB/AIRB):
 - + Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, mở rộng mô hình nội bộ (PD, LGD, EAD) để áp dụng phương pháp xếp hạng nội bộ cơ bản và nâng cao (FIRB & AIRB) để chủ động ước lượng PD, LGD, EAD theo từng nhóm khách hàng, kiểm soát rủi ro theo từng nhóm khách hàng, tập trung phát triển khách hàng có rủi ro thấp nhằm giảm tài sản có rủi ro RWA.
 - + Áp dụng quản trị rủi ro theo từng phân khúc khách hàng.
- Tối ưu cấu trúc danh mục tín dụng dài hạn:
 - + Tập trung khách hàng chất lượng cao: Tối ưu cấu trúc danh mục tín dụng dài hạn theo hướng nâng cao chất lượng và tính bền vững, ưu tiên phân bổ tín dụng vào các khách hàng có xếp hạng tốt.
 - + Thực hiện tái cơ cấu danh mục theo ngành nghề, kỳ hạn và mức độ rủi ro nhằm đảm bảo phân tán rủi ro hợp lý. Việc điều chỉnh này giúp nâng cao chất lượng tài sản, cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR) và củng cố nền tảng tăng trưởng tín dụng bền vững trong dài hạn.
- Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro nâng cao:
 - + Chuẩn hóa dữ liệu, mô hình hóa rủi ro: Chuẩn hóa dữ liệu đầu vào, xây dựng kho dữ liệu tập trung và nâng cao chất lượng dữ liệu phục vụ quản trị.
 - + Tăng cường ứng dụng Basel vào hoạt động vận hành quản trị vốn thông qua việc triển khai ICAAP nhằm đánh giá đầy đủ mức độ đủ vốn theo rủi ro và kế hoạch kinh doanh. Thực hiện stress testing định kỳ để đánh giá

tác động của các kịch bản bất lợi đến CAR và chủ động xây dựng phương án vốn. Đồng thời, tích hợp các chỉ tiêu Basel (CAR, RWA, buffer vốn) vào quy trình lập kế hoạch, phân bổ vốn và ra quyết định kinh doanh.

Toàn bộ hai nhóm biện pháp được tích hợp vào "Phương án khắc phục dự kiến", các biện pháp này không chỉ giúp CAR trở lại mức an toàn mà còn nâng cao năng lực hấp thụ rủi ro lâu dài, phù hợp với nguyên tắc "can thiệp sớm – khắc phục sớm" của Basel và NHNN. Việc thực hiện các phương án khắc phục trên sẽ được giám sát chặt chẽ và áp dụng linh hoạt sẽ giúp cải thiện CAR đảm bảo mức tối thiểu và yêu cầu bộ đệm vốn trong thời gian quy định, đồng thời củng cố nền tảng quản trị vốn bền vững lâu dài của Ngân hàng.

e. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN

▪ Nguyên nhân giả định:

Nguyên nhân tin đồn thất thiệt ảnh hưởng tới uy tín ngân hàng, đồng thời hiệu ứng lây lan khiến cho việc bị rút tiền hàng loạt càng nghiêm trọng hơn, hoặc do khủng hoảng hệ thống từ việc một ngân hàng khác trong hệ thống bị đổ vỡ khiến khách hàng nghi ngờ tính an toàn của các ngân hàng còn lại.

▪ Giải pháp và lộ trình thực hiện:

Khi sự cố xảy ra, giải pháp thực hiện sẽ được áp dụng theo quy định nội bộ TPBank về dấu hiệu nhận biết, cảnh báo sớm rủi ro rút tiền hàng loạt, việc tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, ngăn ngừa, khắc phục và xử lý sự cố rút tiền hàng loạt nhằm đảm bảo hoạt động liên tục của ngân hàng.

(i) Ban chỉ đạo, Ban điều hành tác nghiệp:

Khi xuất hiện các dấu hiệu có thể xảy ra sự cố rút tiền hàng loạt, Khối RM đầu mối phối hợp với Khối FA, Khối FM và các bên liên quan khác báo cáo tình hình tới cấp có thẩm quyền theo quy định. Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Ban chỉ đạo ngăn ngừa và xử lý sự cố ("Ban chỉ đạo") và Ban điều hành tác nghiệp ngăn ngừa và xử lý sự cố ("Ban điều hành tác nghiệp"). Đây là hai cơ quan được thành lập để thực hiện các tác nghiệp, nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến duy trì thanh khoản và triển khai các chính sách, giải pháp nghiệp vụ chuyên môn của TPBank:

- Ban chỉ đạo bao gồm các thành viên: Chủ tịch HĐQT, TGD, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên khác của HĐQT và Ban điều hành.
- Nhóm giúp việc cho Ban chỉ đạo gồm có: Giám đốc Trung tâm FRM của Khối RM là Trưởng nhóm, các thành viên bao gồm: Giám đốc Trung tâm ALM - Khối FA, Giám đốc Trung tâm MM - Khối FM, Giám đốc Trung tâm Truyền thông, Quản lý thương hiệu và Marketing, và các thành viên khác khi Trưởng nhóm điều động, bổ sung thêm.
- Ban Điều hành tác nghiệp: gồm TGD là Trưởng ban, Thư ký là Trưởng phòng Quản lý rủi ro bằng cân đối – Trung tâm FRM – Khối RM; thành viên gồm các Phó TGD, các Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc

Trung tâm kinh doanh Giám đốc Trung tâm Vận hành thẻ - Khối OP; Giám đốc Trung tâm FRM – Khối RM; Giám đốc Trung tâm ALM – Khối FA; Giám đốc Trung tâm MM - Khối FM; Trưởng phòng TROPS – Khối OP; và các thành viên khác khi Trưởng ban điều động, bổ sung thêm.

(ii) Biện pháp xử lý khi xuất hiện Dấu hiệu cảnh báo sớm nguy cơ rút tiền hàng loạt:

Trưởng Ban chỉ đạo hoặc người được ủy quyền triệu tập Ban chỉ đạo họp để triển khai nắm bắt thông tin, đánh giá mức độ ảnh hưởng và đề ra các biện pháp xử lý thích hợp, bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp sau:

Biện pháp tăng thanh khoản, chuẩn bị đối phó và tổ chức chi trả.

- Chuẩn bị tiền mặt, giấy tờ có giá và các tài sản có thể nhanh chóng chuyển hoá thành tiền mặt để phục vụ công tác chi trả. Thực hiện chuyển hoá tài sản thành tiền khi cần thiết.
- Liên hệ với NHNN và các tổ chức tín dụng có quan hệ mở tài khoản để rút tiền gửi và thoả thuận hoãn trả các khoản tiền chưa đến hạn cho các tổ chức này.
- Cử bộ phận tín dụng làm việc với khách hàng vay tiền tăng cường gửi tiền vào Ngân hàng hoặc trả nợ trước hạn các hợp đồng tín dụng (nếu cần thiết).
- Phân công các bộ phận làm việc với khách hàng vay vốn để tạm ngừng các khoản giải ngân (trừ trường hợp giải ngân để thanh toán vào tài khoản của khách hàng khác được mở tại TPBank và được Ban chỉ đạo cho phép).
- Khối FM chủ động đàm phán với các TCTD khác để xin gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của các khoản nhận tiền gửi, đi vay... liên ngân hàng đồng thời đề nghị các tổ chức tín dụng khác thực hiện thanh toán ngay các khoản tiền chưa đến hạn thanh toán.
- Khối FA đầu mối phối hợp với các bộ phận liên quan để tăng huy động tiền gửi từ cá nhân và tổ chức kinh tế.
- Tổ chức họp gấp các cổ đông lớn, các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát, các đối tác chiến lược để chuẩn bị các nguồn hỗ trợ. Thảo luận, lên phương án, kế hoạch xử lý sự cố; đề nghị các thành phần tham dự này gửi tiền vào TPBank để củng cố niềm tin cho người gửi tiền.

Biện pháp tổ chức chi trả, duy trì an ninh tạo niềm tin cho khách hàng

- Cán bộ quan hệ khách hàng và giao dịch viên tư vấn cho khách hàng gửi tiền vào ngân hàng phù hợp với nhu cầu của khách hàng và các sản phẩm huy động của TPBank trong từng thời kỳ.
- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và kiểm soát chặt chẽ các quy trình thu chi tiền mặt.

- Tăng cường bảo vệ việc vận chuyển tiền mặt để phòng ngừa khả năng cướp bóc trong khi hỗn loạn. Việc vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá tuân theo Quy định của TPBank trong từng thời kỳ.
- Yêu cầu nhân viên Ngân hàng phải giữ thái độ đúng mực, mềm mỏng, tận tình hướng dẫn khách hàng thực hiện đúng quy trình rút tiền, tuyệt đối không tranh cãi hay to tiếng, nóng giận với khách hàng.
- Bố trí chỗ để xe tạm thời cho khách hàng, nhân viên tại một nơi khác gần địa điểm rút tiền để tránh tập trung quá đông xe và người tại điểm rút tiền gây tâm lý hoang mang cho khách hàng.
- Các thành viên HĐQT, Ban điều hành đến các điểm giao dịch, giải thích trực tiếp các thắc mắc để giải toả những tin đồn do việc rút tiền gây ra, xoa dịu tâm lý căng thẳng của người gửi tiền và khuyên họ đừng rút tiền.

Biện pháp phòng tránh việc rút trước hạn các khoản tiền lớn

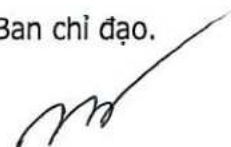
- Cử cán bộ nhân viên phụ trách quản lý khách hàng đi tìm hiểu nguyên nhân rút tiền của người gửi tiền lớn, trực tiếp giải thích và làm rõ các thông tin sai sự thật.
- Giải thích với người gửi tiền về chính sách lãi suất của TPBank nếu rút trước hạn và tư vấn khách hàng giải pháp phù hợp.

Thông báo trấn an công chúng

- Áp dụng biện pháp thông tin bằng văn bản, báo chí, tờ rơi, và cân nhắc khi sử dụng thông tin nghe nhìn.
- Trưng bày chứng nhận bảo hiểm tiền gửi tại những nơi dễ nhìn và dán thông báo để người gửi tiền biết rằng tiền gửi của họ được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam bảo hiểm theo quy định của Pháp luật.
- Phối hợp với NHNN tại địa bàn đưa ra thông báo khẩn cấp giải thích tình hình kinh doanh và tài chính của Ngân hàng và tuyên bố rõ ràng về trách nhiệm của Ngân hàng, trách nhiệm của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đối với quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và khuyến nghị người gửi tiền không nên rút tiền trước hạn để tránh những thiệt hại về lợi ích không cần thiết.
- Trường hợp nguyên nhân gây ra sự cố là tin đồn sai sự thật thì nên công khai treo giải thưởng cho người cung cấp thông tin về kẻ tung tin đồn và thông báo sự vụ với Cơ quan công an địa phương để tiến hành điều tra nhằm chấm dứt việc lan truyền tin đồn.

Liên tục kiểm soát thông tin

- Liên tục cử người theo dõi, nắm bắt, tổng hợp và phân tích thông tin từ công chúng và từ các phương tiện thông tin đại chúng, tình hình diễn biến tại các đơn vị trực thuộc, tuyệt đối không được chủ quan dù là thông tin nhỏ nhưng liên quan đến hoạt động Ngân hàng.
- Các thông tin được báo cáo liên tục cho Ban chỉ đạo.



Triển khai phối hợp với các cơ quan chức năng

- Làm việc với NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức tín dụng, các đơn vị liên quan để triển khai phương án đã dự kiến.
- Báo cáo hàng ngày về tình hình chi trả tiền, dự kiến khả năng rút tiền và lượng tiền còn lại có thể chi trả và ước lượng thời gian có thể đảm bảo chi trả còn lại cho NHNN và đề xuất các biện pháp tiếp tục xử lý nếu có.
- Trường hợp sau khi tập trung mọi nguồn nội lực mà vẫn xác định không đảm bảo đủ khả năng chi trả, phải báo ngay cho NHNN địa bàn và đề nghị NHNN xem xét cho vay hỗ trợ hoặc thương lượng với các tổ chức tín dụng trên địa bàn hoặc Hiệp hội Ngân hàng hoặc Bảo hiểm tiền gửi...để áp dụng các biện pháp hỗ trợ cần thiết.

(iii) Biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố rút tiền hàng loạt:

Khi xảy ra sự cố rút tiền hàng loạt, cùng với các biện pháp triển khai nêu trên, TPBank thực hiện các biện pháp như sau:

- TPBank bị rút tiền hàng loạt phải báo cáo NHNN và thực hiện ngay các biện pháp sau đây:
 - + Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của TPBank; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;
 - + Thực hiện các biện pháp tại phương án khắc phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt quy định của Pháp luật và quy định TPBank; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết.
- Trường hợp TPBank đang được can thiệp sớm khi bị rút tiền hàng loạt, TPBank phải báo cáo NHNN về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục theo quy định tại Luật Các TCTD. TPBank thực hiện phương án khắc phục đã được xây dựng, điều chỉnh.
- TPBank được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:
 - + Bán giấy tờ có giá cho NHNN trên nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất 0%;
 - + Thực hiện giao dịch ngoại tệ với NHNN để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - + TPBank được vay đặc biệt từ NHNN; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác.
- TPBank thực hiện các giải pháp khác phù hợp quy định pháp luật & TPBank từng thời kỳ.

4. Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục.

Việc áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục dự kiến bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp khắc phục được ghi nhận tại Điều 5 Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp TPBank được can thiệp sớm.

Lộ trình và thời gian thực hiện từng biện pháp khắc phục được trình bày chi tiết trong các trường hợp cụ thể, đồng thời sẽ căn cứ vào thực trạng hoạt động, tình hình tài chính của TPBank và nguyên nhân dẫn đến can thiệp sớm tại thời điểm khắc phục. TPBank tận dụng tối đa mọi nguồn lực, áp dụng linh hoạt các biện pháp đảm bảo khắc phục triệt để tình trạng dẫn đến can thiệp sớm trong thời gian sớm nhất.

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Phương án khắc phục được ĐHĐCĐ thông qua ngày và có hiệu lực thực hiện ngay khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của NHNN theo quy định tại Luật Các TCTD. TPBank gửi NHNN nội dung Phương án khắc phục trong 10 ngày kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Trong trường hợp Phương án khắc phục đã được ĐHĐCĐ thông qua và NHNN có ý kiến điều chỉnh (sửa đổi, bổ sung), thì việc điều chỉnh Phương án khắc phục theo ý kiến của NHNN sẽ do HĐQT thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD.
3. Trong trường hợp quy định của pháp luật liên quan chưa được đề cập trong Phương án khắc phục hoặc trong trường hợp quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Phương án khắc phục thì quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐỖ MINH PHÚ

Số: .09..../2026/TTr-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

*V/v Chủ trương thành lập Công ty con hoạt động trong lĩnh vực
bảo hiểm phi nhân thọ*

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Các TCTD**");
- Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Kinh doanh bảo hiểm**");
- Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 quy định điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng;
- Điều lệ của Ngân hàng TMCP Tiên Phong ("**TPBank**");
- Quy chế số 14/2024/QC-TPB.HĐQT về Quản lý Đầu tư Tài chính.

Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên 2026 xem xét, thông qua chủ trương về việc TPBank thành lập **Công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ** (sau đây tạm gọi là "**TPBank Insurance**"), cụ thể như sau:

I. Bối cảnh, sự cần thiết và căn cứ pháp lý**1. Bối cảnh và sự cần thiết**

Theo số liệu tại Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội do Cục Thống kê công bố ngày 05/01/2026, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ năm 2025 ước đạt 88,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm trước. Trong khi đó, tổng doanh thu phí toàn thị trường ước đạt 237,2 nghìn tỷ đồng (tăng 4,0%), với khối nhân thọ ước đạt 148,8 nghìn tỷ đồng (tăng 0,5%). Với các mức này, mảng phi nhân thọ đóng góp xấp xỉ 37% tổng doanh thu phí của toàn thị trường trong năm 2025 và tiếp tục là mảng tăng trưởng nhanh hơn so với mặt bằng chung. Dư địa thị trường cho

các mô hình linh hoạt, chuyên biệt còn rất lớn, đặc biệt là các phân khúc như bảo hiểm tài sản, bảo hiểm xe cơ giới, và các loại hình bảo hiểm trách nhiệm.

Trên thế giới và tại Việt Nam, xu hướng tích hợp ngân hàng – bảo hiểm (Bancassurance) đang dịch chuyển từ hợp tác phân phối sang hình thức sở hữu công ty bảo hiểm riêng. Thực tế cho thấy, một số ngân hàng lớn trong nước (như Agribank, BIDV, Vietinbank, MBBank, Techcombank, ...) đã và đang triển khai mô hình này qua hình thức công ty con, đặc biệt trong mảng bảo hiểm phi nhân thọ. Gần đây, một số ngân hàng như ACB, VPBank cũng đang trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án thành lập pháp nhân bảo hiểm mới.

TPBank có nền tảng tài chính vững mạnh, tỷ lệ an toàn vốn luôn tuân thủ và vượt mức quy định của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo khả năng hỗ trợ hoạt động đầu tư và duy trì vốn cho công ty bảo hiểm. Việc sở hữu công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ sẽ góp phần mở rộng hệ sinh thái tài chính – bảo hiểm, giúp TPBank:

- Chủ động về sản phẩm phù hợp với hệ sinh thái;
- Tận dụng hệ sinh thái khách hàng sẵn có: TPBank có thể tối ưu hóa lợi thế về dữ liệu khách hàng, mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch sẵn có để mở rộng phân phối bảo hiểm hiệu quả;
- Tăng biên lợi nhuận thông qua chuỗi giá trị khép kín và kiểm soát chặt chẽ chất lượng dịch vụ, trải nghiệm khách hàng;
- Tạo nguồn thu ngoài lãi bền vững và gia tăng giá trị vòng đời khách hàng.

Như vậy, việc thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và **cần thiết và phù hợp với nhu cầu hiện tại**, giúp nâng cao lợi thế cạnh tranh của TPBank trên thị trường, từ đó **tối đa hóa lợi ích của cổ đông TPBank**.

2. Căn cứ pháp lý

Nội dung trình căn cứ vào các văn bản pháp lý sau đây:

- Khoản 2, Điều 111 Luật Các TCTD quy định Ngân hàng thương mại phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh Bảo hiểm.
- Về thẩm quyền phê duyệt: Căn cứ nội dung quy định tại điểm o Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD và điểm n Khoản 2 Điều 28 Điều lệ TPBank, ĐHĐCĐ có nhiệm vụ, quyền hạn quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của TPBank.
- Khoản 2 Điều 70 Luật Các TCTD quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, HĐQT có nhiệm vụ trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ

II. Thông tin đầu tư dự kiến

1. **Tên gọi công ty con (dự kiến):** Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Tiên Phong.
2. **Tên tiếng Anh (dự kiến):** Tien Phong Non-life Insurance Joint Stock Company.
3. **Tên viết tắt:** TPBIIns
4. **Vốn điều lệ công ty con (dự kiến):** 400 tỷ đồng (Bốn trăm tỷ đồng) trở lên.
5. **Hình thức đầu tư (dự kiến):** Góp vốn thành lập mới Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ.
6. **Tỷ lệ góp vốn của TPBank (dự kiến):** TPBank sở hữu trên 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Tiên Phong.
7. **Giá trị đầu tư của TPBank (dự kiến):** Tối đa 400 tỷ đồng (Bốn trăm tỷ đồng) (Đảm bảo mức vốn điều lệ của Công ty con tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định pháp luật).
8. **Lĩnh vực hoạt động:** Bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định pháp luật.

III. Nội dung đề xuất

Căn cứ các nội dung trình bày nêu trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Chấp thuận chủ trương TPBank thành lập Công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ;
2. Giao và ủy quyền cho HĐQT được quyền quyết định/phê duyệt, tổ chức thực hiện tất cả các công việc cần thiết, cùng với những sửa đổi, bổ sung, thay thế mà Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết hoặc phải có để đảm bảo việc **TPBank thành lập Công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ** đã được thông qua nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:
 - a. Quyết định hình thức/phương thức, giá trị đầu tư, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần (tỷ lệ sở hữu) cụ thể của TPBank khi thành lập Công ty con; phê duyệt nội dung và ký các văn bản, phương án, hồ sơ, tài liệu liên quan để thực hiện, hoàn thiện các thủ tục xin chấp thuận việc TPBank thành lập Công ty con với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này (khi xét thấy cần thiết) theo quy định pháp luật, yêu cầu/hướng dẫn của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc thực tế phát sinh.
 - b. Quyết định các nội dung có liên quan khác để triển khai thành công việc TPBank thành lập Công ty con theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của TPBank.

- c. Chỉ đạo các Đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan đến việc TPBank thành lập Công ty con phù hợp với tình hình thực tiễn, hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.
- d. Hội đồng Quản trị được giao/ủy quyền cho cá nhân/đơn vị khác thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền nêu trên, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ của TPBank, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của TPBank.

Hội đồng Quản trị báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nêu trên tại cuộc họp ĐHĐCĐ tiếp theo

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đỗ Minh Phú

PHỤ LỤC 01:

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ TIÊN PHONG (DỰ KIẾN)

1. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ TIÊN PHONG

Căn cứ nội dung quy định về *Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần* tại Khoản c, Điều 6 Thông tư 60/2025/TT-NHNN *Quy định điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng*, phương án thành lập công ty con của TPBank hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ cụ thể dự kiến như sau:

a. Thông tin Tổ chức tín dụng thực hiện góp vốn:

- **Tên tiếng Việt đầy đủ:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
- **Tên tiếng Anh:** Tien Phong Commercial Joint Stock Bank
- **Tên viết tắt:** TPBank
- **Trụ sở chính:** Tòa nhà TPBank 57 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Hà Nội.

b. Thông tin Doanh nghiệp nhận góp vốn:

- **Tên gọi công ty con (dự kiến):** Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Tiên Phong.
- **Tên tiếng Anh (dự kiến):** Tien Phong Non-life Insurance Joint Stock Company.
- **Tên viết tắt:** TPBIIns
- **Trụ sở chính (dự kiến):** Tòa nhà TPBank 57 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Hà Nội.

c. Lý do, sự cần thiết của việc góp vốn:

- TPBank có nền tảng tài chính vững mạnh, tỷ lệ an toàn vốn luôn tuân thủ và vượt mức quy định của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo khả năng hỗ trợ hoạt động đầu tư và duy trì vốn cho công ty bảo hiểm. Việc sở hữu công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ sẽ góp phần giúp TPBank mở rộng hệ sinh thái tài chính – bảo hiểm.
- Thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ là **cần thiết và phù hợp với nhu cầu hiện tại**, giúp nâng cao lợi thế cạnh tranh của TPBank trên thị trường, từ đó tối đa hóa lợi ích của cổ đông TPBank

d. Dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ vốn góp; dự kiến số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại doanh nghiệp nhận góp vốn, mua cổ phần

- **Vốn điều lệ công ty con (dự kiến):** 400 tỷ đồng (*Bốn trăm tỷ đồng*) trở lên.
- **Hình thức đầu tư (dự kiến):** Góp vốn thành lập mới Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ.
- **Tỷ lệ góp vốn của TPBank (dự kiến):** TPBank sở hữu trên 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Tiên Phong.

- **Giá trị đầu tư của TPBank (dự kiến):** Tối đa 400 tỷ đồng (*Bốn trăm tỷ đồng*) (Đảm bảo mức vốn điều lệ của Công ty con tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định pháp luật).
- **Lĩnh vực hoạt động:** Bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định pháp luật.

e. Vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng trước khi thực hiện góp vốn, mua cổ phần

Tại ngày 28/02/2026, giá trị thực vốn điều lệ của TPBank đạt 38.496 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với mức vốn pháp định 3.000 tỷ đồng đối với Ngân hàng thương mại quy định tại Nghị định 86/2019/NĐ-CP.

Chỉ tiêu	Thời điểm 28/02/2026 (triệu đồng)
Giá trị thực của vốn điều lệ/ Vốn được cấp <i>Trong đó:</i>	38.496.390
<i>Vốn điều lệ thực góp/vốn được cấp</i>	<i>27.740.469</i>
<i>Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý)</i>	<i>10.755.921</i>

f. Dự kiến vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thực hiện góp vốn, mua cổ phần tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần

Sau khi hoàn tất việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Tiên Phong, giá trị thực của vốn điều lệ của TPBank tại thời điểm hoàn tất đạt 43.405 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2026 (triệu đồng)
Giá trị thực của vốn điều lệ/ Vốn được cấp <i>Trong đó:</i>	43.405.034
<i>Vốn điều lệ thực góp/vốn được cấp</i>	<i>31.901.539</i>
<i>Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý)</i>	<i>11.503.495</i>

g. Tỷ lệ nợ xấu của từng tháng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị

Tỷ lệ nợ xấu của TPBank luôn được kiểm soát chặt chẽ, luôn duy trì ở mức thấp hơn so với quy định là 3%. Cụ thể tỷ lệ nợ xấu trong 12 tháng liền kề và dự kiến tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm hoàn tất góp vốn thành lập như sau:

Thời điểm	Tỷ lệ nợ xấu		Thời điểm	Tỷ lệ nợ xấu
31/03/2025	1,92%		30/09/2025	1,82%
30/04/2025	1,94%		31/10/2025	1,71%
31/05/2025	2,21%		30/11/2025	1,39%

30/06/2025	1,67%		31/12/2025	0,97%
31/07/2025	1,77%		31/01/2026	1,27%
31/08/2025	1,89%		28/02/2026	1,44%

h. Tình hình chấp hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị

Tại thời điểm nộp hồ sơ thành lập Công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ chính thức, sau khi có hướng dẫn đầy đủ của cơ quan có thẩm quyền, TPBank sẽ đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp lý theo quy định hiện hành để thực hiện thủ tục xin cấp phép thành lập Công ty bảo hiểm phi nhân thọ.

i. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các TCTD trong 12 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết) hoặc 24 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con) trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần

Qua quá trình hoạt động TPBank luôn bảo đảm thực hiện đúng quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của TPBank trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị luôn ở mức cao so với quy định ($\geq 9,25\%$). Cụ thể từ tháng 03/2024 đến hết tháng 02/2026 tỷ lệ an toàn vốn của TPBank luôn đạt trên 10%, cao hơn đáng kể so với quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN tối thiểu là 8% và quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-NHNN là 9,25%. Sau khi hoàn tất việc góp vốn thành lập Công ty bảo hiểm nhân thọ Tiên Phong, tỷ lệ an toàn vốn của TPBank dự kiến tại thời điểm 31/12/2026 ở mức khoảng 10,5%.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Năm 2024		
Thời điểm	Quy định	Thực hiện
Tháng 03.2024	$\geq 8\%$	13,07%
Tháng 04.2024	$\geq 8\%$	13,05%
Tháng 05.2024	$\geq 8\%$	13,41%
Tháng 06.2024	$\geq 8\%$	13,01%
Tháng 07.2024	$\geq 8\%$	13,23%
Tháng 08.2024	$\geq 8\%$	13,12%

Năm 2025		
Thời điểm	Quy định	Thực hiện
Tháng 01.2025	$\geq 8\%$	12,90%
Tháng 02.2025	$\geq 8\%$	13,27%
Tháng 03.2025	$\geq 8\%$	13,58%
Tháng 04.2025	$\geq 8\%$	13,43%
Tháng 05.2025	$\geq 8\%$	12,65%
Tháng 06.2025	$\geq 8\%$	13,77%

Năm 2026		
Thời điểm	Quy định	Thực hiện
Tháng 01.2026	$\geq 9,25\%$	12,17%
Tháng 02.2026	$\geq 9,25\%$	12,10%
Dự kiến tháng 12.2026	$\geq 9,25\%$	10,50%

Tháng 09.2024	≥8%	13,20%
Tháng 10.2024	≥8%	13,58%
Tháng 11.2024	≥8%	13,33%
Tháng 12.2024	≥8%	13,14%

Tháng 07.2025	≥8%	13,42%
Tháng 08.2025	≥8%	13,74%
Tháng 09.2025	≥9,25%	14,68%
Tháng 10.2025	≥9,25%	13,51%
Tháng 11.2025	≥9,25%	13,87%
Tháng 12.2025	≥9,25%	12,80%

- j. Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các TCTD trong 12 tháng liên kế (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết) hoặc 24 tháng liên kế (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con) trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần**

Theo Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng, TPBank luôn tuân thủ mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật các TCTD không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.

Từ tháng 03/2024 đến tháng 02/2026 tỷ lệ này tại TPBank luôn dưới mức quy định 11% của Luật Các tổ chức tín dụng.

Thời điểm	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại		Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động	
	Quy định	Thực hiện	Quy định	Thực hiện
Tháng 03.2024	≤40%	1,21%	≤11%	6,01%
Tháng 04.2024	≤40%	1,18%	≤11%	6,01%
Tháng 05.2024	≤40%	1,53%	≤11%	9,01%
Tháng 06.2024	≤40%	1,53%	≤11%	9,01%
Tháng 07.2024	≤40%	1,53%	≤11%	9,01%
Tháng 08.2024	≤40%	1,53%	≤11%	9,01%
Tháng 09.2024	≤40%	1,53%	≤11%	9,01%
Tháng 10.2024	≤40%	1,30%	≤11%	9,01%
Tháng 11.2024	≤40%	1,30%	≤11%	9,01%
Tháng 12.2024	≤40%	1,30%	≤11%	9,01%
Tháng 01.2025	≤40%	1,30%	≤11%	9,01%

Thời điểm	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại		Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đổ vào một doanh nghiệp hoạt động	
	Quy định	Thực hiện	Quy định	Thực hiện
Tháng 02.2025	≤40%	1,30%	≤11%	9,01%
Tháng 03.2025	≤40%	1,30%	≤11%	9,01%
Tháng 04.2025	≤40%	1,25%	≤11%	9,01%
Tháng 05.2025	≤40%	1,25%	≤11%	9,01%
Tháng 06.2025	≤40%	1,25%	≤11%	9,01%
Tháng 07.2025	≤40%	1,25%	≤11%	9,01%
Tháng 08.2025	≤40%	1,25%	≤11%	9,01%
Tháng 09.2025	≤40%	1,25%	≤11%	9,01%
Tháng 10.2025	≤40%	1,25%	≤11%	9,01%
Tháng 11.2025	≤40%	1,20%	≤11%	9,01%
Tháng 12.2025	≤40%	12,22%	≤11%	0,00%
Tháng 01.2026	≤40%	12,22%	≤11%	0,00%
Tháng 02.2026	≤40%	12,52%	≤11%	0,00%

Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của TPBank không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của TPBank theo quy định. Tại thời điểm 28/02/2026, số dư khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần của TPBank như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Số dư khoản đầu tư góp vốn tại ngày 28/02/2026	Tổng giá trị góp vốn
I	Tổng số tiền đầu tư góp vốn	4.091.750
1	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	3.869.440
2	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	122.310
3	Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong	100.000
II	Vốn điều lệ và các quỹ của TPBank tại ngày 28/02/2026	32.676.515
III	Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần	12,52%

Trong trường hợp TPBank góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm phi nhân thọ Tiên Phong với tổng số góp vốn dự kiến là 400 tỷ đồng thì tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần của TPBank dự kiến ở mức 19,60%, cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Số dư khoản đầu tư góp vốn dự kiến tại ngày 31/12/2026	Tổng giá trị góp vốn
I	Tổng số tiền đầu tư góp vốn	7.491.750
1	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	3.869.440

2	Đầu tư vào Công ty Cổ phần quản lý quỹ Việt Cát	122.310
3	Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Tiên Phong	100.000
4	Đầu tư vào Ngân hàng TNHH MTV Tiên Phong VIFC	3.000.000
5	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Tiên Phong	400.000
II	Vốn điều lệ và các quỹ của TPBank dự kiến tại ngày 31/12/2026	38.219.535
III	Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần	19,60%

Ngoài ra, mức góp vốn, mua cổ phần của TPBank và các công ty con, công ty liên kết của TPBank vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật các TCTD đảm bảo không vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.

k. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng; số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của Luật Các TCTD tại thời điểm đề nghị.

TPBank hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”), Hội đồng Quản trị (“**HDQT**”), Ban kiểm soát (“**BKS**”) và Tổng Giám đốc (“**TGD**”); đáp ứng các tầng quản trị theo thông lệ quốc tế, quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn.

Cơ cấu tổ chức quản lý, số lượng thành viên, nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc đầy đủ, tuân thủ theo Luật các TCTD; hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ được thiết lập và vận hành theo quy định

l. Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của doanh nghiệp sau khi được tổ chức tín dụng góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Luật Các TCTD và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Sau khi TPBank hoàn tất góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Tiên Phong, TPBank sẽ trở thành cổ đông lớn duy nhất tại Công ty cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Tiên Phong.

TPBank cam kết tuân thủ về tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn tại TPBank sau khi được TPBank góp vốn thành lập theo đúng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các quy định có liên quan.

m. Đánh giá tác động của việc góp vốn, mua cổ phần đến tình hình tài chính, quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng.

Sau khi TPBank hoàn tất góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Tiên Phong, dự kiến tổng tài sản của TPBank năm 2026 đạt 600.589 tỷ đồng, tổng huy động vốn 391.000 tỷ đồng, dư nợ cho vay và trái phiếu 360.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 10.295 tỷ đồng.

Về phía công ty con, Công ty bảo hiểm phi nhân thọ dự kiến được định hướng trở thành một công ty bảo hiểm hiện đại, tích hợp sâu trong hệ sinh thái của TPBank, phát triển đồng bộ cả về quy mô thị phần và năng lực chuyên môn, hướng tới mục tiêu nằm trong nhóm các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có tốc độ tăng trưởng và hiệu quả hoạt động tốt trên thị trường trong vòng 5 năm tới.

2. DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH 05 NĂM HOẠT ĐỘNG

Trong giai đoạn đầu hoạt động, công ty định hướng tăng trưởng nhanh về doanh thu phí bảo hiểm gốc với tốc độ cao hơn mức trung bình ngành, trên cơ sở tận dụng lợi thế về tệp khách hàng, nền tảng công nghệ và năng lực phân phối của TPBank. Song song với đó, công ty từng bước nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tối ưu cơ cấu tái bảo hiểm và kiểm soát chi phí khai thác nhằm cải thiện các chỉ tiêu hiệu quả như tỷ lệ bồi thường, tỷ lệ chi phí và tỷ lệ kết hợp.

Dự kiến trong giai đoạn 5 năm đầu, doanh thu phí bảo hiểm gốc của công ty có thể đạt quy mô khoảng 2.000–2.300 tỷ đồng mỗi năm khi bước vào giai đoạn ổn định, với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) trên 50%/năm. Lợi nhuận trước thuế được kỳ vọng chuyển biến tích cực sau giai đoạn đầu tư ban đầu, đạt mức khoảng 200–300 tỷ đồng/năm kể từ năm thứ 3, trong điều kiện thuận lợi, qua đó từng bước trở thành một trong những đơn vị đóng góp hiệu quả vào kết quả kinh doanh hợp nhất của TPBank.

Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, TPBank định hướng xây dựng danh mục sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ phù hợp với từng phân khúc khách hàng, từ cá nhân đến doanh nghiệp. Đồng thời, TPBank chú trọng nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua việc phát triển các kênh số, cung cấp dịch vụ hỗ trợ nhanh chóng, hiệu quả và cá nhân hóa, từ khâu tư vấn đến xử lý yêu cầu bồi thường.

Ngay từ giai đoạn đầu triển khai, TPBank xác định rõ chiến lược tập trung vào các sản phẩm bảo hiểm tài sản, cháy nổ và bảo hiểm con người – những phân khúc có nhu cầu cao và biên lợi nhuận ổn định. Với phương án TPBank góp vốn để thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, hoạt động kinh doanh của công ty con dự kiến sẽ được triển khai theo hướng thận trọng trong giai đoạn đầu và từng bước cải thiện hiệu quả trong trung hạn.

SỐ LIỆU DỰ PHỎNG KẾT QUẢ KINH DOANH 05 NĂM HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	TB ngành
Vốn điều lệ	400	400	800	800	1,000	
Tổng tài sản	589	739	1,468	1,951	2,565	
Doanh thu phí BH gốc	600	950	1,500	2,100	2,300	
<i>Cession Ratio (Tỷ lệ nhượng tái bảo hiểm)</i>	45%	40%	35%	32%	32%	30–35%
Chi phí nhượng tái bảo hiểm	270	380	525	672	736	
Phí giữ lại (Net)	330	570	975	1,428	1,564	
<i>Loss Ratio (Tỷ lệ bồi thường)</i>	42%	40%	38%	35%	35%	32–38%
Chi phí bồi thường	139	228	371	500	547	
<i>Expense Ratio (Tỷ lệ chi phí khai thác)</i>	70%	65%	60%	55%	50%	40–45%
Chi phí khai thác (hoa hồng, bồi thường, nhân sự...)	231	371	585	785	782	
Tổng chi phí (Combined)	112%	105%	98%	90%	85%	92–98%
Underwriting Margin	-12%	-5%	2%	10%	15%	2–8%
LN từ HĐ bảo hiểm	(40)	(28)	20	143	235	
LN đầu tư tài chính	35	39	75	84	100	
Tổng LNTT	(5)	11	95	226	335	

Doanh thu từ phí bảo hiểm gốc dự kiến tăng trưởng mạnh mẽ qua từng năm, dựa trên việc tận dụng mạng lưới chi nhánh và tệp khách hàng sẵn có, năng lực mở rộng quy mô hoạt động, khả năng thâm nhập thị trường hiệu quả cũng như uy tín thương hiệu của TPBank. Điều này sẽ góp phần giúp giảm chi phí bán hàng, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng doanh thu và tích lũy tài sản.

- **Doanh thu phí bảo hiểm:** Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc dự kiến đạt CAGR (Compound Annual Growth Rate) trên 50%/năm. Sau khoảng 4–5 năm hoạt động, công ty được kỳ vọng đạt quy mô doanh thu phí bảo hiểm gốc khoảng 2.000–2.300 tỷ đồng mỗi năm.
- **Tỷ lệ tăng trưởng quy mô kỳ vọng:** Tổng tài sản dự kiến sẽ tăng hơn gấp năm lần so với mức ban đầu sau 5 năm hoạt động.

Chi phí hoạt động: Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm dự kiến được kiểm soát ở mức khoảng 75-85% doanh thu thuần trong giai đoạn ổn định, với định hướng tối ưu hóa chi phí thông qua đầu tư có trọng điểm vào đào tạo đội ngũ tư vấn và nâng cao chất lượng nhân sự. Trong giai đoạn đầu hoạt động, tỷ lệ này có thể cao hơn do chi phí đầu tư ban đầu và sẽ giảm dần theo quy mô.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm: Được triển khai ngay từ khi bắt đầu hoạt động nhằm kiểm soát rủi ro và tối ưu năng lực vốn. Tỷ lệ nhượng tái bảo hiểm dự kiến ở mức cao trong

giai đoạn đầu (khoảng 40–50%) và giảm dần theo quy mô và năng lực quản trị rủi ro, đạt khoảng 32% vào năm thứ 5.

Đầu tư tài chính: Lợi nhuận đầu tư tài chính được xác định trên cơ sở quy mô tài sản đầu tư bình quân và mức sinh lời kỳ vọng của danh mục đầu tư, trong đó tài sản đầu tư chủ yếu bao gồm vốn chủ sở hữu và dự phòng nghiệp vụ. Tỷ suất sinh lời giả định ở mức 7%/năm, phù hợp với tình hình lãi suất thị trường và cơ cấu đầu tư thận trọng của doanh nghiệp bảo hiểm.

Quản trị rủi ro: Định hướng xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro theo hướng chủ động, toàn diện và phù hợp với đặc thù hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, đảm bảo cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và an toàn vốn. Định hướng khung quản trị rủi ro được thiết kế bám sát các hoạt động cốt lõi, bao gồm hoạt động, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động vận hành bao gồm:

- **Kiểm soát rủi ro trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm:** Kiểm soát chặt chẽ rủi ro thông qua việc xây dựng chính sách khai thác và chấp nhận bảo hiểm theo từng phân khúc khách hàng và từng dòng sản phẩm, đồng thời thiết lập các mô hình định phí dựa trên dữ liệu và kinh nghiệm thị trường. Công tác quản lý bồi thường được tổ chức theo hướng minh bạch, chuẩn hóa quy trình và tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm kiểm soát gian lận, hạn chế tổn thất bất thường và tối ưu tỷ lệ bồi thường.
- **Kiểm soát rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính:** Áp dụng nguyên tắc an toàn, thanh khoản và hiệu quả, với cơ cấu danh mục đầu tư ưu tiên các tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi và trái phiếu, đồng thời kiểm soát chặt chẽ rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Hoạt động đầu tư được gắn kết chặt chẽ với đặc thù dòng tiền của bảo hiểm nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng nghĩa vụ bồi thường trong mọi tình huống.
- **Kiểm soát rủi ro vận hành:** Chú trọng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro hoạt động theo mô hình ba tuyến phòng thủ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu, giám sát giao dịch và phòng chống gian lận. Đồng thời, công ty định hướng phát triển đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, thiết lập cơ chế kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro pháp lý nhằm đảm bảo hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ thị trường.

Trên cơ sở đó, hệ thống quản trị rủi ro được kỳ vọng sẽ đóng vai trò nền tảng trong việc hỗ trợ công ty phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo an toàn tài chính trong suốt quá trình vận hành.

Số: 07/2026/TTr-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Phương án chi trả cổ tức bằng tiền và Phương án tăng mức vốn điều lệ năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (sau đây gọi là “TPBank” hoặc “Ngân hàng”);
- Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 08 ngày 27/2/2024 thông qua các nội dung và thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) xem xét, thông qua **Phương án chi trả cổ tức bằng tiền và Phương án tăng mức vốn điều lệ năm 2026**, cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ CỔ TÚC BẰNG TIỀN TRONG NĂM 2026

Xét thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng ổn định, có bề dày và phát triển an toàn, lành mạnh, cũng như để gia tăng lợi ích cho các cổ đông đã đồng hành cùng Ngân hàng trong suốt thời gian qua, Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) kính trình Quý cổ đông xem xét, thông qua **Phương án chi trả cổ tức bằng tiền trong năm 2026** với một số nội dung cơ bản như sau:

1. Vốn điều lệ hiện tại của TPBank: **27.740.468.730.000 đồng** (Hai mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng **2.774.046.873 cổ phiếu**, trong đó:
 - + Số lượng cổ phiếu (SLCP) phổ thông đã phát hành: 2.774.046.873 cổ phiếu
 - + SLCP phổ thông đang lưu hành: 2.774.046.873 cổ phiếu
 - + SLCP quỹ: 0 cổ phiếu

+ SLCP ưu đãi: 0 cổ phiếu

2. Chi tiêu lợi nhuận và trích lập các quỹ đến hết năm 2025:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025 đã được kiểm toán	Số liệu tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	9.102.446	9.231.078
2	Lợi nhuận chưa phân phối	9.522.647	9.629.495

- Tỷ lệ thực hiện: 5%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng).
- Đối tượng được nhận cổ tức: Cổ đông có tên trên danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để hưởng quyền nhận cổ tức bằng tiền trong năm 2026 phù hợp quy định pháp luật từng thời kỳ.
- Phương thức chi trả: Bằng tiền.
- Nguồn chi trả: Từ lợi nhuận chưa phân phối, theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Ngân hàng.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian thực hiện cụ thể, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật
- Ủy quyền, giao nhiệm vụ cho HĐQT:
ĐHĐCĐ ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT triển khai thực hiện, quyết định tất cả các công việc và vấn đề liên quan để hoàn thành thủ tục chi trả cổ tức bằng tiền trong năm 2026, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:
 - Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời gian và hình thức chi trả.
 - Thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết khác và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để hoàn tất phương án chi trả cổ tức nêu trên.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG MỨC VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2026

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của TPBank số 01/2025/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 và Quyết định số 3726/QĐ-NHNN ngày 28/11/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt

động của TPBank, mức vốn điều lệ hiện tại của TPBank là **27.740.468.730.000 đồng**, tương ứng **2.774.046.873 cổ phiếu**.

Trên cơ sở tình hình kinh doanh thực tế, nhằm mục đích mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh theo lộ trình chiến lược của TPBank, đảm bảo đáp ứng tốt các chỉ tiêu an toàn hoạt động, quản trị rủi ro, nâng cao năng lực tài chính, đồng thời tăng tính hấp dẫn của cổ phiếu TPBank, mang lại giá trị tối ưu cho cổ đông, HĐQT kính trình Quý cổ đông xem xét, thông qua **Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026** (*Phương án chi tiết đính kèm Tờ trình này*) với một số nội dung cơ bản như sau:

- Tăng vốn điều lệ từ mức 27.740.468.730.000 đồng dự kiến lên mức **tối đa 32.901.539.030.000 đồng** (*tăng thêm tối đa 5.161.070.300.000 đồng*), trong đó:
 - Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu: **tối đa 4.161.070.300.000 đồng**, tương ứng 416.107.030 cổ phiếu.
 - Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của TPBank năm 2026 (ESOP): tối đa **1.000.000.000.000 đồng**, tương ứng 100.000.000 cổ phiếu.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt, ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian thực hiện trên cơ sở Giấy phép/Chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

✦ Thẩm quyền triển khai phương án tăng mức vốn điều lệ năm 2026

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT triển khai thực hiện, quyết định tất cả các công việc và vấn đề liên quan để hoàn thành quá trình/thủ tục tăng vốn điều lệ, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:

1. **Đối với đợt phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức:** Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông được hưởng quyền sau khi có Giấy phép/Chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
2. **Đối với đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của TPBank:** Xây dựng và ban hành Quy chế ESOP; Xác định giá phát hành; Quyết định danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng.
3. Quyết định, chỉnh sửa bổ sung Phương án tăng mức vốn điều lệ (nếu cần) theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, thời điểm triển khai phương án phù

hợp với tình hình thực tế, thực hiện các nội dung chi tiết của Phương án và tiến hành các thủ tục trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) chấp thuận bằng văn bản cho việc tăng vốn điều lệ và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

4. Lựa chọn công ty chứng khoán làm đại lý thực hiện giao dịch (nếu cần).
5. Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn theo quy định của pháp luật dựa trên kết quả phát hành thực tế.
6. Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung Giấy phép của Ngân hàng (tương ứng với số vốn thực tế tăng thêm sau khi phát hành) với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; quyết định sửa đổi Điều lệ TPBank (tương ứng nội dung liên quan đến vốn điều lệ); đăng ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất phát hành theo quy định của pháp luật; thực hiện/hoàn thiện các thủ tục khác có liên quan theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
7. Đảm bảo giới hạn tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại TPBank theo quy định của pháp luật nhằm hoàn tất phương án tăng mức vốn điều lệ.
8. Quyết định và điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm từ phương án phát hành cổ phiếu nêu trên phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn thực tế của TPBank, đảm bảo hiệu quả và lợi ích của TPBank và cổ đông, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
9. Chủ động xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để triển khai thành công việc tăng vốn điều lệ năm 2026 của TPBank.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Minh Phú



NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG

**PHƯƠNG ÁN TĂNG MỨC VỐN ĐIỀU LỆ
NĂM 2026
CỦA NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG**

Hà Nội, 04/2026

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG MỨC VỐN ĐIỀU LỆ

1. Đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“*NHNN*”) về nâng cao năng lực tài chính, tạo nền tảng để phát triển mạng lưới chi nhánh, mở rộng thị phần và quy mô kinh doanh, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ ngân hàng.
2. Đảm bảo tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, thực hiện các chuẩn mực tại Hiệp ước Basel (Basel II và Basel III) theo quy định của *NHNN*.
3. Tăng trưởng nguồn vốn trung dài hạn để phục vụ cho nhu cầu tăng trưởng tín dụng.
4. Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho nhu cầu phát triển mạng lưới toàn hệ thống, phát triển các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.
5. Góp vốn vào các lĩnh vực kinh doanh được phép khác để hỗ trợ thúc đẩy kết quả kinh doanh của TPBank.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (sau đây gọi là “*TPBank*” hoặc “*Ngân hàng*”).

III. KẾ HOẠCH TĂNG MỨC VỐN ĐIỀU LỆ

A. Mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:

1. Mức vốn điều lệ hiện tại của TPBank: **27.740.468.730.000 đồng** (Hai mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng **2.774.046.873 cổ phiếu**, trong đó:
 - + Số lượng cổ phiếu (SLCP) phổ thông đã phát hành: 2.774.046.873 cổ phiếu
 - + SLCP phổ thông đang lưu hành: 2.774.046.873 cổ phiếu
 - + SLCP ưu đãi: 0 cổ phiếu
 - + SLCP quỹ: 0 cổ phiếu
2. Mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2026: tối đa **5.161.070.300.000 đồng** (Năm nghìn, một trăm sáu mươi một tỷ, không trăm bảy mươi triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn) tương ứng tối đa **516.107.030 cổ phiếu**. Trong đó:
 - + Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu: tối đa **4.161.070.300.000 đồng**, tương ứng 416.107.030 cổ phiếu.

- + Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của TPBank năm 2026 (ESOP): tối đa **1.000.000.000.000 đồng**, tương ứng 100.000.000 cổ phiếu.
- 3. Mức vốn điều lệ dự kiến của TPBank sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ năm 2026: tối đa **32.901.539.030.000 đồng** (ba mươi hai nghìn, chín trăm lẻ một tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng **3.290.153.903 cổ phiếu**.

B. Thứ tự phát hành:

TPBank thực hiện các thủ tục phát hành theo thứ tự như sau:

1. Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.
2. Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2026: HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm triển khai (sau khi thực hiện với việc phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu) phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại thời điểm phát hành nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông Ngân hàng.

C. Phương án tăng mức vốn điều lệ:

Tăng vốn điều lệ từ mức 27.740.468.730.000 đồng dự kiến lên mức tối đa **32.901.539.030.000 đồng** (tăng thêm tối đa 5.161.070.300.000 đồng) thông qua các đợt phát hành như sau:

a. Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

1. Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Vốn điều lệ trước đợt phát hành: 27.740.468.730.000 đồng
4. Tổng số cổ phiếu phổ thông đã phát hành: 2.774.046.873 cổ phiếu
5. SLCP phổ thông đang lưu hành: 2.774.046.873 cổ phiếu
6. SLCP ưu đãi: 0 cổ phiếu
7. SLCP quỹ: 0 cổ phiếu
8. Mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: tối đa 4.161.070.300.000 đồng
9. Thông tin về lợi nhuận lũy kế chưa phân phối được xác định theo báo cáo tài chính riêng lẻ, báo cáo tài chính hợp nhất của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ tăng vốn đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật; Thông tin về số tiền từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối được sử dụng để tăng vốn điều lệ:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025 đã được kiểm toán	Số liệu tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán
Vốn	27.740.469	27.740.469
- Vốn điều lệ	27.740.469	27.740.469
- Thặng dư vốn cổ phần	0	0
- Cổ phiếu quỹ	0	0

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025 đã được kiểm toán	Số liệu tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán
Quỹ của tổ chức tín dụng	4.936.046	4.936.046
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.723.094	1.723.094
- Quỹ dự phòng tài chính	3.212.952	3.212.952
Lợi nhuận chưa phân phối	9.522.647	9.629.495

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất của TPBank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán)

10. SLCP phổ thông dự kiến phát hành: tối đa 416.107.030 cổ phiếu
 11. Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): tối đa 4.161.070.300.000 đồng
 12. Đối tượng phát hành: Cổ đông có tên trên danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để hưởng quyền từ việc phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức phù hợp quy định pháp luật từng thời kỳ.
 13. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.
 14. Tỷ lệ thực hiện: **15%** (Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới).
 15. Nguồn thực hiện: Từ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của TPBank.
 16. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh dưới 01 đơn vị (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
*Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 688 cổ phiếu thì số cổ phiếu được nhận thêm theo công thức là $(688 * 15\% = 103,20$ cổ phiếu mới). Tuy nhiên, áp dụng nguyên tắc xử lý số cổ phiếu lẻ nêu trên thì cổ đông A sẽ nhận được 103 cổ phiếu mới, còn phần cổ phiếu lẻ (0,20 cổ phiếu) bị hủy bỏ.*
 17. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
 18. Thời gian dự kiến phát hành: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời gian thực hiện cụ thể trên cơ sở Giấy phép/Chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.
 19. Thời gian dự kiến hoàn thành: Thời gian hoàn thành cụ thể tùy thuộc vào quá trình xem xét, phê duyệt hồ sơ của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.
- b. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của TPBank năm 2026:**
1. Mục đích phát hành: nhằm gắn kết lợi ích của cán bộ nhân viên (CBNV) và TPBank; thu hút, duy trì và thúc đẩy CBNV có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài.
 2. Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông

3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Vốn điều lệ tại ngày trình Phương án: 27.740.468.730.000 đồng
5. Tổng số cổ phiếu phổ thông đã phát hành (tại ngày trình Phương án): 2.774.046.873 cổ phiếu
6. SLCP phổ thông đang lưu hành (tại ngày trình Phương án): 2.774.046.873 cổ phiếu
7. SLCP ưu đãi: 0 cổ phiếu
8. SLCP quỹ: 0 cổ phiếu
9. Mức Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: tối đa 1.000.000.000.000 đồng
10. SLCP phổ thông dự kiến phát hành: tối đa 100.000.000 cổ phiếu
11. Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): tối đa 1.000.000.000.000 đồng
12. Tỷ lệ phát hành (sau khi đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu): 3,13% ($100.000.000 \text{ cổ phiếu} \div 3.190.153.903 \text{ cổ phiếu}$)
13. Đối tượng phát hành: người lao động là CBNV của TPBank.
14. Tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình: Đối tượng được tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong TPBank bao gồm các CBNV thỏa mãn các điều kiện sau:
 - 14.1. Ban Điều hành của ngân hàng, các cán bộ quản lý có chức danh từ Trưởng/phó phòng Hội sở, Giám đốc Đơn vị kinh doanh trở lên, có xếp loại hiệu quả làm việc tốt (kết quả xếp loại năm 2025 đạt từ A3 trở lên), đã ký hợp đồng lao động chính thức với Ngân hàng và có thời gian làm việc tính đến thời điểm 31/12/2025 đủ 02 năm trở lên, đồng thời:
 - (i) không có đơn xin thôi việc trong thời gian thực hiện chương trình; và
 - (ii) không thuộc diện đang nghỉ không lương với thời hạn từ 01 năm trở lên tính đến ngày 31/12/2025.
 - 14.2. Các CBNV khác (ngoài CBNV thuộc điểm 14.1 nêu trên) có đóng góp lớn cho Ngân hàng được HĐQT phê duyệt.
 - 14.3. Các trường hợp khác theo đề xuất của Tổng Giám đốc và được HĐQT phê duyệt.
15. Nguyên tắc xác định giá phát hành: ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định giá phát hành chính thức nhưng không thấp hơn mệnh giá 01 cổ phiếu (không thấp hơn 10.000 đồng).
16. Danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng: Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định/thông qua.
17. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của TPBank, với mức giá do HĐQT phê duyệt theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.

18. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo Quy chế ESOP) và được giải toả hạn chế chuyển nhượng từng phần như sau:

STT	Năm	Số cổ phiếu được giải toả
1	Hết năm thứ 1	50% số cổ phiếu được giải toả hạn chế chuyển nhượng.
2	Hết năm thứ 2	50% số cổ phiếu được giải toả hạn chế chuyển nhượng.

Các quyền lợi phát sinh từ số cổ phiếu ESOP được mua (nếu có) sẽ KHÔNG bị hạn chế chuyển nhượng theo thời hạn nêu trên.

19. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Trong trường hợp CBNV từ chối mua hoặc mua không hết số cổ phiếu được quyền mua hoặc trong thời gian từ lúc HĐQT thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP năm 2026 đến thời điểm UBCKNN công bố về việc nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành mà người lao động không còn đủ tiêu chuẩn được tham gia Chương trình ESOP năm 2026, HĐQT được toàn quyền quyết định phân phối cho đối tượng phát hành khác đáp ứng các tiêu chuẩn tham gia chương trình ESOP quy định tại Mục 14.b.C Phương án này. Giá chào bán và điều kiện chuyển nhượng của số cổ phiếu này tương tự như đối với cổ phiếu chào bán cho người lao động theo chương trình ESOP năm 2026. Trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu không phát hành hết sẽ được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành.
20. Phương án thu hồi/mua lại cổ phiếu ESOP năm 2026 và phương án bán ra số cổ phiếu được TPBank thu hồi/mua lại: ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết theo Quy chế ESOP.
21. Thời gian dự kiến phát hành: Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời gian thực hiện cụ thể trên cơ sở Giấy phép/Chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.
22. Thời gian dự kiến hoàn thành: Thời gian hoàn thành cụ thể tùy thuộc vào quá trình xem xét, phê duyệt hồ sơ của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

D. Dự kiến thay đổi về cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua Phương án tăng mức vốn điều lệ năm 2026 và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

IV. THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Đăng ký thay đổi nội dung vốn điều lệ (tương ứng với số vốn thực tế tăng thêm sau các đợt phát hành) trên Giấy phép Thành lập và Hoạt động và khoản mục vốn điều lệ tại Điều lệ TPBank theo quy định của pháp luật.

V. CÔNG BỐ THÔNG TIN

TPBank thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

VI. ĐĂNG KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU

Đăng ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất các đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

VII. THẨM QUYỀN TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN

Đệ trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện, quyết định tất cả các công việc và vấn đề liên quan để hoàn thành quá trình/thủ tục tăng vốn điều lệ, đảm bảo phù hợp với phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua, quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:

1. **Đối với đợt phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức:** Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông được hưởng quyền sau khi có Giấy phép/Chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
2. **Đối với đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của TPBank năm 2026:** Xây dựng và ban hành Quy chế ESOP; Xác định giá phát hành; Quyết định danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng.
3. Quyết định, chỉnh sửa bổ sung Phương án tăng mức vốn điều lệ (nếu cần) theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, thời điểm triển khai phương án phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện các nội dung chi tiết của Phương án và tiến hành các thủ tục trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) chấp thuận bằng văn bản cho việc tăng vốn điều lệ và các công việc khác theo quy định của pháp luật.
4. Lựa chọn công ty chứng khoán làm đại lý thực hiện giao dịch (nếu cần).
5. Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn theo quy định của pháp luật dựa trên kết quả phát hành thực tế.

6. Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung Giấy phép của Ngân hàng (tương ứng với số vốn thực tế tăng thêm sau khi phát hành) với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; quyết định sửa đổi Điều lệ TPBank (tương ứng nội dung liên quan đến vốn điều lệ), đăng ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất phát hành theo quy định của pháp luật; thực hiện/hoàn thiện các thủ tục khác có liên quan theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
7. Đảm bảo giới hạn tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại TPBank theo quy định của pháp luật nhằm hoàn tất phương án tăng mức vốn điều lệ.
8. Quyết định và điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm từ phương án phát hành cổ phiếu (chi tiết tại Mục VIII dưới đây) phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn thực tế của TPBank, đảm bảo hiệu quả và lợi ích của TPBank và cổ đông, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
9. Chủ động xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để triển khai thành công việc tăng vốn điều lệ năm 2026 của TPBank.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN TĂNG THÊM

Số vốn tăng thêm từ phương án phát hành cổ phiếu nêu trên dự kiến sẽ được cân đối sử dụng cho các mục đích sau:

- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển hệ thống công nghệ thông tin và mở rộng mạng lưới kinh doanh
- Bổ sung vốn trung dài hạn để phục vụ hoạt động kinh doanh
- Bổ sung vốn hoạt động cho Ngân hàng, phát triển dịch vụ và các hoạt động phi tín dụng

Đề trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm quyết định và điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm từ phương án phát hành cổ phiếu nêu trên, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn thực tế của Ngân hàng, đảm bảo hiệu quả và lợi ích của Ngân hàng và cổ đông, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

IX. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 VÀ HIỆU QUẢ CỦA VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Kết quả kinh doanh năm 2025 (số liệu hợp nhất)

Đến 31/12/2025, tổng tài sản của TPBank đạt 505.902 tỷ đồng, tăng 21,02% so với cuối năm 2024; Tổng huy động đạt 450.071 tỷ đồng, tăng 20,32% so với cuối năm 2024.

Hoạt động tín dụng tiếp tục tăng trưởng tốt, phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được NHNN thông báo, với tổng dư nợ đạt 312.842 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng của TPBank được kiểm soát chặt, với tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,96%, hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao và phù hợp với định hướng của NHNN.

Lợi nhuận trước thuế năm 2025, tăng 21,46% so với năm 2024, vượt chỉ tiêu lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông giao, đạt 9.231 tỷ đồng.

2. Hiệu quả của việc tăng vốn

Việc tăng vốn của TPBank là một trong những biện pháp góp phần thực hiện và hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026, phần đầu đem lại mức lợi nhuận kỳ vọng của Ngân hàng. Đồng thời, với mức Vốn Điều lệ và tổng tài sản tăng cao, TPBank sẽ thực hiện các kế hoạch chiến lược về giải pháp kinh doanh, thu hút nguồn nhân lực, tạo động lực để người lao động cống hiến, gắn bó lâu dài với tổ chức, nâng cao sức mạnh thương hiệu để mang lại những giá trị mới cho TPBank.

Với mức vốn tăng thêm, dự kiến TPBank sẽ đạt một số chỉ tiêu kinh doanh và lợi nhuận đem lại cho cổ đông năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu hoạt động	31/12/2025	Kế hoạch 2026
1	Tổng tài sản hợp nhất	505.902	600.000
2	Tiền gửi khách hàng & phát hành GTCG	337.875	391.000
3	Dư nợ cho vay và Chứng khoán nợ do TCKT trong nước phát hành	312.842	360.000
4	Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung)	0,96%	<2,5%
5	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	9.231	10.300
6	Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ	9.102	10.000
7	Các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác	Tuân thủ theo quy định, hướng dẫn của NHNN	Tuân thủ theo quy định, hướng dẫn của NHNN

X. KẾT LUẬN

Việc tăng vốn điều lệ cho năm 2026 là nhu cầu tất yếu, là dấu ấn quan trọng trong quá trình phát triển của TPBank nhằm nâng cao năng lực và ưu thế cạnh tranh, đẩy mạnh tốc độ phát triển, quy mô hoạt động và mở rộng thị trường.

Việc tăng vốn điều lệ đồng thời ghi nhận khả năng quản trị điều hành hiệu quả, tăng tính hấp dẫn của cổ phiếu, tối ưu hóa giá trị cho cổ đông cũng như thu hút nhà đầu tư trung dài hạn nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng.